

Số: 1300 /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 03 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương năm 2024
thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới
giai đoạn 2021-2025 (đợt 2)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Luật sửa đổi, bổ
sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác
công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh
nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng
01 năm 2022;*

*Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của
Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây
dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của
Chính phủ quy định cơ chế quản lý thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc
gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa
đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm
2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình
Chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 263/QĐ-TTg ngày
22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục
tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; số 07/2022/QĐ-TTg
ngày 25 tháng 3 năm 2022 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn
ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;*

số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Số 256/2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 về việc Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2025; số 509/NQ-HĐND ngày 14 tháng 3 năm 2024 của HĐND tỉnh về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (đợt 2);

Theo đề nghị tại Tờ trình số 269/TTr-VPĐP ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (đợt 2), với những nội dung sau:

- | | |
|--------------------------------------|--------------------|
| 1. Tổng kế hoạch vốn năm 2024: | 530.885 triệu đồng |
| - Giao kế hoạch vốn đợt 1: | 196.065 triệu đồng |
| - Giao kế hoạch vốn đợt này (đợt 2): | 334.820 triệu đồng |

2. Chi tiết giao kế hoạch vốn đợt 2 năm 2024 tại Phụ lục I và danh mục dự án đầu tư tại Phụ lục II, Phụ lục III, Phụ lục IV kèm theo.

3. Nguồn vốn: Vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương năm 2024 bổ sung cho ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tại Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh:

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan có liên quan về tính chính xác của các nội dung tham mưu, số liệu báo cáo và đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn, định mức theo đúng quy định.

- Căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và các quy định của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các đơn vị có liên quan, hướng

dẫn, đôn đốc và kiểm tra các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện theo đúng quy định.

- Định kỳ tổng hợp tiến độ thực hiện kế hoạch vốn tại Quyết định này, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao và các quy định có liên quan, phối hợp với Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh, hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra các huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này.

3. Sở Tài chính: Căn cứ kế hoạch vốn năm 2024 (đợt 2) được giao tại Quyết định này, thông báo bổ sung có mục tiêu cho các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện các nhiệm vụ được giao theo đúng quy định.

4. Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa: Thực hiện kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc giải ngân của các chủ đầu tư, chỉ cho phép giải ngân khi đảm bảo đầy đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.

5. UBND các huyện, thị xã, thành phố:

- Căn cứ kế hoạch vốn năm 2024 (đợt 2) được giao tại Quyết định này, giao kế hoạch vốn chi tiết của từng dự án cho các chủ đầu tư, các đơn vị, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư công; chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm toán về quyết định của mình.

- Chịu trách nhiệm quản lý và chỉ đạo UBND các xã, các chủ đầu tư, đơn vị có liên quan hoàn thành các hồ sơ, thủ tục đầu tư theo quy định; triển khai thực hiện các dự án đảm bảo đúng tiến độ và hoàn thành theo kế hoạch; quản lý, sử dụng nguồn vốn được giao đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

- Bố trí vốn ngân sách địa phương năm 2024 để đối ứng với nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình, đảm bảo theo quy định tại Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính, Nghị quyết số 256/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh và các văn bản quy định có liên quan.

- Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch vốn và tiến độ thực hiện các dự án về Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa, Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh và các ngành, đơn vị liên quan, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp, hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc chủ đầu tư và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chánh Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị liên quan và các chủ đầu tư chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Nông nghiệp và PTNT (để báo cáo);
- TTr: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để báo cáo);
- Lưu: VT, NN(cuong).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Đức Giang

Phụ lục I:
CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2024 THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA (ĐỢT 2)

(Kèm theo Quyết định số 1300/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Huyện, thị xã, thành phố	Chi tiết kế hoạch vốn phân bổ đợt 2				Ghi chú
		Tổng số	Trong đó			
			Dự án chuyển tiếp năm 2022	Dự án chuyển tiếp năm 2023	Dự án khởi công mới năm 2024	
	TỔNG CỘNG	334.820	10.662	261.542	62.616	
1	Huyện Thạch Thành	32.360		29.930	2.430	
2	Huyện Như Thanh	11.802		11.802		
3	Huyện Cẩm Thủy	26.890		26.890		
4	Huyện Ngọc Lặc	27.130		26.080	1.050	
5	Huyện Thường Xuân	21.600		7.440	14.160	
6	Huyện Quan Hóa	14.160		11.270	2.890	
7	Huyện Quan Sơn	15.930		15.930		
8	Huyện Như Xuân	11.530		11.530		
9	Huyện Lang Chánh	9.920		9.920		
10	Huyện Bá Thước	30.900		11.390	19.510	
11	Thành phố Sầm Sơn	1.741	1.741			
12	Thị xã Nghi Sơn	12.866	4.736	8.130		
13	Huyện Đông Sơn	4.525	1.485	3.040		
14	Huyện Hoằng Hóa	23.050		21.430	1.620	

TT	Huyện, thị xã, thành phố	Chi tiết kế hoạch vốn phân bổ đợt 2				Ghi chú
		Tổng số	Trong đó			
			Dự án chuyển tiếp năm 2022	Dự án chuyển tiếp năm 2023	Dự án khởi công mới năm 2024	
15	Huyện Nga Sơn	8.610		7.020	1.590	
16	Huyện Hậu Lộc	11.040	200	10.840		
17	Huyện Yên Định	4.440		4.440		
18	Huyện Thọ Xuân	9.670		7.240	2.430	
19	Huyện Thiệu Hóa	14.420		12.820	1.600	
20	Huyện Nông Công	11.410	1.600	9.000	810	
21	Huyện Hà Trung	3.440	900	2.540		
22	Huyện Triệu Sơn	1.970			1.970	
23	Huyện Mường Lát	25.416		12.860	12.556	

Phụ lục II:
DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ NĂM 2024 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI (CÁC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP NĂM 2022)
(Kèm theo Quyết định số 1300/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn NSTW năm 2024 (đợt 2)	Ghi chú
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng	Trong đó: Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2023	Vốn còn thiếu		
								Tổng cộng	Trong đó NSTW					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG CỘNG:	22								77.977	67.007	10.970	10.662	
I	THÀNH PHỐ SÂM SƠN									7.554	5.505	2.049	1.741	
1	Xã Quảng Đại									2.518	1.902	616	616	
	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ giáp khu biệt thự Hùng Sơn đến trục đường trung tâm xã Quảng Đại	UBND xã Quảng Đại	Giao thông	Tổng chiều dài L= 372,95m và công trình phụ trợ	2022	2023	229/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của CT UBND xã Quảng Đại	3.046	2.518	2.518	1.902	616	616	
2	Xã Quảng Hùng									2.518	1.902	616	616	
	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ đường 4B đến nhà ông Nguyễn Văn Châu, thôn 4, xã Quảng Hùng	UBND xã Quảng Hùng	Giao thông	Tổng chiều dài L = 710,15m và công trình phụ trợ	2022	2023	158/QĐ-UBND ngày 11/11/2022 của CT UBND xã Quảng Hùng	2.685	2.518	2.518	1.902	616	616	
3	Xã Quảng Minh									2.518	1.701	817	509	
	Xây dựng tuyến đường từ trường cấp I, II đi thôn Đà	UBND xã Minh	Giao thông	Tổng chiều dài L = 245,8m và công trình phụ	2022	2023	50/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	2.210	2.518	2.518	1.701	817	509	Do địa phương phê duyệt

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền		Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn NSTW năm 2024 (đợt 2)	Ghi chú	
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMDT		Tổng cộng	Trong đó: Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2023			Vốn còn thiếu
								Tổng cộng	Trong đó NSTW					
	Trung, xã Quảng Minh			trợ			của CT UBND xã Quảng Minh							BCKT- KT thấp hơn định mức
II	THỊ XÃ NGHI SON									29.287	24.551	4.736	4.736	
1	Xã Phú Sơn									7.000	5.881	1.119	1.119	
	Xây cầu và đường giao thông liên thôn Trung Sơn đi Bắc Sơn, xã Phú Sơn, thị xã Nghi Sơn	UBND xã Phú Sơn	Giao thông	Tổng chiều dài L = 2.146,08m	2022	2023	9288/QĐ-UBND ngày 26/9/2022 của CT UBND thị xã Nghi Sơn	7.117	7.000	7.000	5.881	1.119	1.119	
2	Xã Trường Lâm									2.000	1.800	200	200	
	Đường giao thông liên thôn xã Trường Lâm, thị xã Nghi Sơn	UBND xã Trường Lâm	Giao thông	Tổng chiều dài L= 856m	2022	2022	10150/QĐ-UBND ngày 19/10/2022 của CT UBND thị xã Nghi Sơn	2.306	2.000	2.000	1.800	200	200	
3	Xã Tùng Lâm									9.787	7.790	1.997	1.997	
	Đường giao thông liên thôn xã Tùng Lâm	UBND xã Tùng Lâm	Giao thông	Xây dựng 05 tuyến đường với tổng chiều dài L= 1.834,1m	2022	2023	9026/QĐ-UBND ngày 20/09/2022 và 10542/QDD-UBND ngày 17/11/2023 của CT UBND thị xã Nghi Sơn	3.440	2.987	2.987	2.650	337	337	
	Trung tâm văn hóa	UBND	Văn	Mẫu nhà văn	2022	2024	10005/QĐ-							

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn NSTW năm 2024 (đợt 2)	Ghi chú
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMDT		Tổng cộng	Trong đó: Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2023	Vốn còn thiếu		
								Tổng cộng	Trong đó NSTW					
	xã Tùng Lâm	xã Tùng Lâm	hoá	hóa VH02 do Sở Xây dựng ban hành			UBND ngày 17/10/2022 của CT UBND thị xã Nghi Sơn	7.163	6.800	6.800	5.140	1.660	1.660	
4	Xã Hải Nhân									2.500	2.200	300	300	
	Kênh mương nội đồng xã Hải Nhân	UBND xã Hải Nhân	Thủy lợi	Tuyến kênh thôn Bắc Sơn gồm 03 tuyến với tổng chiều dài L = 517m	2023	2023	9226/QĐ-UBND ngày 22/09/2022 của CT UBND thị xã Nghi Sơn	3.223	2.500	2.500	2.200	300	300	
5	Xã Tân Trường									8.000	6.880	1.120	1.120	
	Nâng cấp, cải tạo, mở rộng đường và xây dựng mương tưới tiêu thôn Quyết Thắng xã Tân Trường	UBND xã Tân Trường	Giao thông, thủy lợi	Tuyến đường với tổng chiều dài L = 1.423m; tuyến kênh tưới kết hợp tiêu tổng chiều dài L = 1.290m	2022	2023	9962/QĐ-UBND ngày 13/10/2022 của CT UBND thị xã Nghi Sơn	8.141	8.000	8.000	6.880	1.120	1.120	
III	HUYỆN ĐÔNG SON									12.500	11.015	1.485	1.485	
1	Xã Đông Nam									2.500	2.200	300	300	
	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông kết hợp mương thoát nước thôn Hạnh Phúc Đoàn, xã Đông Nam	UBND xã Đông Nam	Giao thông, thủy lợi	GTNT cấp IV; Tổng chiều dài L= 452,22m; Mương thủy lợi: Tổng chiều dài L = 277,52m	2022	2023	545a/QĐ-UBND ngày 26/10/2022 của CT UBND xã Đông Nam	2.998	2.500	2.500	2.200	300	300	

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn NSTW năm 2024 (đợt 2)	Ghi chú
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMDT		Tổng cộng	Trong đó: Luỹ kế vốn đã bố trí đến 31/12/2023	Vốn còn thiếu		
								Tổng cộng	Trong đó NSTW					
2	Xã Đông Yên									2.500	2.200	300	300	
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ngõ xóm thôn Yên Trường, xã Đông Yên	UBND xã Đông Yên	Giao thông	GTNT cấp IV; Tổng chiều dài L = 589,65m;	2022	2023	523/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của CT UBND xã Đông Yên	2.839	2.500	2.500	2.200	300	300	
3	Xã Đông Ninh									2.500	2.200	300	300	
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ngõ xóm thôn Vạn Lộc, xã Đông Ninh	UBND xã Đông Ninh	Giao thông	GTNT cấp IV; Tổng chiều dài L = 389,03m;	2022	2023	456/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 của CT UBND xã Đông Ninh	3.022	2.500	2.500	2.200	300	300	
4	Xã Đông Tiến									2.500	2.200	300	300	
	Nâng cấp mở rộng tuyến đường từ nhà ông Hướng đi Núi Đào, xã Đông Tiến	UBND xã Đông Tiến	Giao thông	GTNT cấp IV; Tổng chiều dài L = 751,64m;	2022	2023	136/QĐ-UBND ngày 22/9/2022 của CT UBND xã Đông Tiến	3.965	2.500	2.500	2.200	300	300	
5	Xã Đông Thanh									2.500	2.215	285	285	
	Trạm Y tế xã Đông Thanh	UBND xã Đông Thanh	Y tế	CT dân dụng cấp 3; Nhà làm việc 2 tầng 14 phòng chức năng + các CT phụ trợ	2023	2024	04/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của CT UBND xã Đông Thanh	7.784	2.500	2.500	2.215	285	285	
IV	HUYỆN NÔNG CÔNG									15.036	13.436	1.600	1.600	

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền		Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn NSTW năm 2024 (đợt 2)	Ghi chú	
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMDT		Tổng cộng	Trong đó: Luỹ kế vốn đã bố trí đến 31/12/2023			Vốn còn thiếu
								Tổng cộng	Trong đó NSTW					
1	Xã Hoàng Giang							3.602	2.500	2.500	2.200	300	300	
	Cải tạo đường giao thông và xây dựng rãnh thoát nước thôn Kim Sơn, xã Hoàng Giang	UBND xã Hoàng Giang	Giao thông	Cải tạo đường giao thông dài L = 700m và tuyến rãnh dài L = 331,21m	2022	2023	40/QĐ-UBND ngày 15/9/2022; 05/QĐ-UBND ngày 12/01/2024 của CT UBND xã Hoàng Giang	3.602	2.500	2.500	2.200	300	300	
2	Xã Tượng Văn							3.005	2.500	2.500	2.200	300	300	
	Mương thoát nước dân cư thôn Đa Hậu đi Đa Tiên	UBND xã Tượng Văn	Môi trường	Xây dựng tuyến mương thoát nước thải dài L = 1.340,35m	2022	2023	1513/QĐ-UBND ngày 19/10/2022; 08/QĐ-UBND ngày 15/01/2024 của CT UBND xã Tượng Văn	3.005	2.500	2.500	2.200	300	300	
3	Xã Minh Nghĩa							3.471	2.500	2.500	2.200	300	300	
	Nâng cấp đường GTNT kết hợp kênh tiêu khu dân cư thôn Tiên Châu xã Minh Nghĩa	UBND xã Minh Nghĩa	Giao thông	Nâng cấp tuyến đường giao thông và tuyến kênh dài L = 742,0m	2022	2023	112/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 và 100/QĐ-UBND ngày 7/12/2023 của CT UBND xã Minh Nghĩa	3.471	2.500	2.500	2.200	300	300	
4	Xã Thăng Thọ							3.305	2.518	2.518	2.200	318	318	

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn NSTW năm 2024 (đợt 2)	Ghi chú
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMDT		Tổng cộng	Trong đó: Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2023	Vốn còn thiếu		
								Tổng cộng	Trong đó NSTW					
	Rãnh thoát nước khu dân cư thôn Thọ Đông, Thọ Khang, xã Thăng Thọ	UBND xã Thăng Thọ	Môi trường	Xây dựng tuyến mương thoát nước thải dài L = 1.839m	2022	2023	130/QĐ-UBND ngày 18/10/2022; 05b/QĐ-UBND ngày 10/02/2023 và 09/QĐ-UBND ngày 20/02/2023 của CT UBND xã Thăng Thọ	3.305	2.518	2.518	2.200	318	318	
5	Xã Trường Giang							4.370	2.500	2.500	2.200	300	300	
	Rãnh thoát nước khu dân cư từ Yên Tuần đi đê Quốc gia	UBND xã Trường Giang	Môi trường	Xây dựng tuyến mương thoát nước thải dài L = 991,01m	2022	2023	708/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 và 519/QĐ-UBND ngày 5/12/2023 của CT UBND xã Trường Giang	4.370	2.500	2.500	2.200	300	300	
6	Xã Tế Thắng							3.617	2.518	2.518	2.436	82	82	
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường, kết hợp làm mương tiêu thoát nước thôn 2, thôn 6	UBND xã Tế Thắng	Giao thông	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường với chiều dài L = 941,83m; tuyến rãnh với chiều dài	2022	2023	208/QĐ-UBND, ngày 7/10/2022 và 128/QĐ-UBND ngày 5/12/2023 của CT UBND xã	3.617	2.518	2.518	2.436	82	82	

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền		Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn NSTW năm 2024 (đợt 2)	Ghi chú	
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMDT		Tổng cộng	Trong đó: Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2023			Vốn còn thiếu
								Tổng cộng	Trong đó NSTW					
				L = 583m			Tế Thắng							
V	HUYỆN HÀ TRUNG									8.600	7.700	900	900	
1	Xã Hà Giang									5.600	5.000	600	600	
	Nâng cấp mở rộng trường THCS	UBND xã Hà Giang	Giáo dục	Xây mới nhà 2 tầng với 08 phòng làm khối hành chính quản trị, khối phòng học	2022	2023	4846/QĐ-UBND ngày 07/12/2022 và 5116/QĐ-UBND ngày 06/12/2023 của CT UBND huyện Hà Trung	14.479	5.600	5.600	5.000	600	600	
2	Xã Hà Vinh									3.000	2.700	300	300	
	Bê tông hóa kênh mương nội đồng từ đường kênh Đàng bộ đến đường Va	UBND xã Hà Vinh	Thủy lợi	Kiên cố hóa tuyến kênh với tổng chiều dài L = 987,4m	2022	2023	4659/QĐ-UBND ngày 26/11/2022 và 5171/QĐ-UBND ngày 09/12/2023 của CT UBND huyện Hà Trung	7.500	3.000	3.000	2.700	300	300	
VI	HUYỆN HẬU LỘC									5.000	4.800	200	200	
1	Xã Phong Lộc									5.000	4.800	200	200	
	Đường giao nông thôn từ thôn Phù Lạc đi thôn Lộc động	UBND huyện Hậu Lộc	Giao thông	Tổng chiều dài L = 2.700m	2022	2023	2762/QĐ-UBND ngày 04/11/2022 của CT	9.987	5.000	5.000	4.800	200	200	

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền		Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn NSTW năm 2024 (đợt 2)	Ghi chú	
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng	Trong đó: Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2023			Vốn còn thiếu
								Tổng cộng	Trong đó NSTW					
							UBND huyện Hậu Lộc							

Phụ lục III:
DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ NĂM 2024 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI (CÁC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP NĂM 2023)
(Kèm theo Quyết định số 1300/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn NSTW năm 2024 (đợt 2)	Ghi chú
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng	Trong đó: Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2023	Vốn còn thiếu		
								Tổng cộng	Trong đó NSTW					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG CỘNG:	162								565.608	137.750	427.858	261.542	
A	CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI THEO NGHỊ QUYẾT 368/NQ-HĐND NGÀY 24/3/2023									231.194	92.200	138.994	71.142	
I	HUYỆN NHƯ THANH									5.997	2.800	3.197	1.702	
1	Xã Thanh Tân									2.437	1.000	1.437	700	
	Xây dựng sân vận động xã Thanh Tân	UBND xã Thanh Tân	Văn hóa	Hạng mục: Sân nền, nhà vệ sinh chung, sân khấu, khán đài...	2023	2024	3116/QĐ-UBND ngày 18/9/2023 của CT UBND huyện	2.462	2.437	2.437	1.000	1.437	700	
2	Xã Xuân Khang									2.518	1.000	1.518	760	
	Sân thể thao xã Xuân Khang	UBND xã Xuân Khang	Văn hóa	Sân nền sân thể thao; Xây dựng công vào, sân khấu....	2023	2024	4082/QĐ-UBND ngày 30/11/2023 của CT UBND huyện	4.499	2.518	2.518	1.000	1.518	760	
3	Xã Phượng Nghi									1.042	800	242	242	
	Các hạng mục phụ trợ trường TH khu lè Cộng Thành, xã	UBND xã Phượng	Giáo dục	Nâng cấp, cải tạo một số hạng mục	2023	2024	2924/QĐ-UBND ngày 21/8/2023 của	1.075	1.042	1.042	800	242	242	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn NSTW năm 2024 (đợt 2)	Ghi chú
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng	Trong đó: Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2023	Vốn còn thiếu		
								Tổng cộng	Trong đó NSTW					
	Phượng Nghi, huyện Như Thanh	Nghi					CT UBND huyện							
II	HUYỆN CẨM THỦY									36.338	10.000	26.338	15.500	
1	Hỗ trợ xây dựng huyện NTM									36.338	10.000	26.338	15.500	
	Trung tâm văn hóa - thể thao huyện Cẩm Thủy	UBND huyện Cẩm Thủy	Văn hoá	Gồm các công trình: Khán đài, nhà thi đấu, nhà bảo vệ, nhà để xe; các công trình phụ trợ...	2023	2025	1390/QĐ-UBND ngày 27/6/2023; 3003/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 và 342/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của CT UBND huyện Cẩm Thủy	158.962	36.338	36.338	10.000	26.338	15.500	
III	HUYỆN NGỌC LẶC									39.456	17.800	21.656	10.390	
1	Xã Thúy Sơn									1.450	800	650	210	
	Đường giao thông thôn Hoa Cao, xã Thúy Sơn, huyện Ngọc Lặc	UBND xã Thúy Sơn	Giao thông	Tổng chiều dài L = 721,05m	2023	2024	95/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của CT UBND xã Thúy Sơn	1.465	1.450	1.450	800	650	210	
2	Xã Minh Sơn									1.550	800	750	280	
	Tuyến đường thôn Minh Thuận, xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lặc	UBND xã Minh Sơn	Giao thông	Tổng chiều dài L = 956,05m	2023	2024	106/QĐ-UBND ngày 24/8/2023 của CT UBND xã Minh Sơn	1.560	1.550	1.550	800	750	280	
3	Xã Lộc Thịnh									2.518	1.600	918	460	
	Nâng cấp Đường thôn Cò Chè - khu	UBND xã Lộc	Giao thông	Tổng chiều dài L = 365,21m	2023	2024	63/QĐ-UBND ngày 14/8/2023	1.010	1.000	1.000	800	200	200	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn NSTW năm 2024 (đợt 2)	Ghi chú
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng	Trong đó: Luỹ kế vốn đã bố trí đến 31/12/2023	Vốn còn thiếu		
								Tổng cộng	Trong đó NSTW					
	trung tâm UBND xã Lộc Thịnh, Ngọc Lặc.	Thịnh					của CT UBND xã Lộc Thịnh							
	Đường giao thông thôn Lộc Thành - xã Lộc Thịnh, Ngọc Lặc	UBND xã Lộc Thịnh	Giao thông	Tổng chiều dài L = 650,78m	2023	2024	65/QĐ-UBND ngày 15/8/2023 của CT UBND xã Lộc Thịnh	1.535	1.518	1.518	800	718	260	
4	Xã Cao Thịnh							2.600	2.518	2.518	1.000	1.518	760	
	Nâng cấp đường trục xã tuyến đường từ ngã ba làng Mai đi Lim Côm, xã Cao Thịnh, Ngọc Lặc	UBND xã Cao Thịnh	Giao thông	Tổng chiều dài L = 1.536m	2023	2024	56/QĐ-UBND ngày 26/7/2023 của CT UBND xã Cao Thịnh	2.600	2.518	2.518	1.000	1.518	760	
5	Xã Lam Sơn							2.561	2.518	2.110	1.000	1.110	470	
	Nâng cấp tuyến đường Thôn 8, xã Lam Sơn	UBND xã Lam Sơn	Giao thông	Tổng chiều dài L = 800m	2023	2024	100/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của CT UBND xã Lam Sơn	2.121	2.110	2.110	1.000	1.110	470	
6	Xã Phùng Minh							2.478	1.050	1.050	800	250	250	
	Lắp đặt đường ống cấp nước tập trung 2 thôn Minh Hòa, thôn Thượng - xã Phùng Minh, Huyện Ngọc Lặc	UBND xã Phùng Minh	Nước sạch	Cấp cho 02 thôn Minh Hòa và Thượng	2023	2024	185/QĐ-UBND ngày 12/10/2023 của CT UBND xã Phùng Minh	2.478	1.050	1.050	800	250	250	
7	Xã Phùng Giáo							5.063	4.487	4.487	2.000	2.487	1.140	
	Lắp đặt đường ống cấp nước tập trung tại 3 thôn (Hợp Thành, Bằng, Chuối) - xã Phùng	UBND xã Phùng Giáo	Nước sạch	Cấp cho 3 thôn Hợp Thành, Chuối và Bằng	2023	2024	99/QĐ-UBND ngày 15/9/2023 của CT UBND xã Phùng Giáo	2.789	2.300	2.300	1.000	1.300	610	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn NSTW năm 2024 (đợt 2)	Ghi chú
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng	Trong đó: Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2023	Vốn còn thiếu		
								Tổng cộng	Trong đó NSTW					
	Giáo, huyện Ngọc Lặc													
	Đường giao thông thôn Châm - thôn Lau, xã Phùng Giáo, huyện Ngọc Lặc	UBND xã Phùng Giáo	Giao thông	Tổng chiều dài L = 1.130m	2023	2024	71/QĐ-UBND ngày 18/8/2023 của CT UBND xã Phùng Giáo	2.274	2.187	2.187	1.000	1.187	530	
8	Xã Vân Am							4.511	4.387	4.387	1.900	2.487	1.170	
	Đường giao thông thôn Đám Vân Giang, xã Vân Am, huyện Ngọc Lặc	UBND xã Vân Am	Giao thông	Tổng chiều dài L = 636,15m	2023	2024	115/QĐ-UBND ngày 18/8/2023 của CT UBND xã Vân Am	1.751	1.700	1.700	800	900	390	
	Đường giao thông thôn Khén, xã Vân Am, huyện Ngọc Lặc	UBND xã Vân Am	Giao thông	Tổng chiều dài L = 835,05m	2023	2024	114/QĐ-UBND ngày 18/8/2023 của CT UBND xã Vân Am	2.760	2.687	2.687	1.100	1.587	780	
9	Xã Ngọc Sơn							2.683	2.518	2.518	1.100	1.418	660	
	Cải tạo nâng cấp tuyến đường xã từ đường ATK (thôn Kim Thủy) đến thôn Thanh Sơn, Linh Sơn xã Ngọc Sơn, huyện Ngọc Lặc	UBND xã Ngọc Sơn	Giao thông	Tổng chiều dài L = 771,24m	2023	2024	204/QĐ-UBND ngày 28/11/2023 của CT UBND xã Ngọc Sơn	2.683	2.518	2.518	1.100	1.418	660	
10	Xã Kiên Thọ							2.528	2.518	2.518	1.000	1.518	760	
	Đường giao thông thôn 11 - đến Xuân Thành, Kiên Thọ, Ngọc Lặc	UBND xã Kiên Thọ	Giao thông	Tổng chiều dài L = 1.300m	2023	2024	153/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của CT UBND xã Kiên Thọ	2.528	2.518	2.518	1.000	1.518	760	
11	Xã Phúc Thịnh							2.604	2.518	1.760	800	960	430	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn NSTW năm 2024 (đợt 2)	Ghi chú
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng	Trong đó: Luỹ kế vốn đã bố trí đến 31/12/2023	Vốn còn thiếu		
								Tổng cộng	Trong đó NSTW					
	Đường giao thông nông thôn làng Miềng đi làng Sòng xã Phúc Thịnh, Ngọc Lặc	UBND xã Phúc Thịnh	Giao thông	Tổng chiều dài L = 829,61m	2023	2024	72/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của CT UBND xã Phúc Thịnh	1.802	1.760	1.760	800	960	430	
12	Xã Mỹ Tân							2.533	2.518	2.518	1.000	1.518	760	
	Đường giao thông thôn Vải, xã Mỹ Tân	UBND xã Mỹ Tân	Giao thông	Tổng chiều dài L = 1.200,2m	2023	2024	51/QĐ-UBND ngày 21/8/2023 của CT UBND xã Mỹ Tân	2.533	2.518	2.518	1.000	1.518	760	
13	Xã Quang Trung							2.566	2.518	2.518	1.000	1.518	760	
	Nhà hiệu bộ trường Mầm non xã Quang Trung	UBND xã Quang Trung	Giáo dục	Nhà hiệu bộ 2 tầng, 01 phòng họp và 04 phòng làm việc	2023	2024	105/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 của CT UBND xã Quang Trung	2.566	2.518	2.518	1.000	1.518	760	
14	Xã Ngọc Trung							2.535	2.518	2.518	1.000	1.518	760	
	Đường giao thông thôn Tân Mỹ- xã Ngọc Trung, Ngọc Lặc	UBND xã Ngọc Trung	Giao thông	Tổng chiều dài L = 1.237,42m	2023	2024	49/QĐ-UBND ngày 30/8/2023 của CT UBND xã Ngọc Trung	2.535	2.518	2.518	1.000	1.518	760	
15	Xã Đồng Thịnh							2.544	2.518	2.518	1.000	1.518	760	
	Nâng cấp đường thôn Chiềng, xã Đồng Thịnh, Ngọc Lặc.	UBND xã Đồng Thịnh	Giao thông	Tổng chiều dài L = 946,95m	2023	2024	94/QĐ-UBND ngày 21/8/2023 của CT UBND xã Đồng Thịnh	2.544	2.518	2.518	1.000	1.518	760	
16	Thạch Lập							2.694	2.518	2.518	1.000	1.518	760	
	Xây dựng nhà hiệu bộ trường Mầm non khu chính xã Thạch Lập, huyện Ngọc Lặc	UBND xã Thạch Lập	Giáo dục	Nhà hiệu bộ 2 tầng, phòng họp và phòng làm việc	2023	2024	40/QĐ-UBND ngày 08/8/2023 của CT UBND xã Thạch Lập	2.694	2.518	2.518	1.000	1.518	760	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn NSTW năm 2024 (đợt 2)	Ghi chú
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng	Trong đó: Luỹ kế vốn đã bố trí đến 31/12/2023	Vốn còn thiếu		
								Tổng cộng	Trong đó NSTW					
IV	HUYỆN QUAN HOÁ									6.500	3.200	3.300	1.350	
1	Xã Hiền Kiệt									1.500	800	700	250	
	Nhà văn hóa bán chĩnh cãm	UBND xã Hiền Kiệt	Văn hóa	Nhà 1 tầng, diện tích 103m2	2023	2024	147/QĐ-UBND ngày 28/8/2023; 18/QĐ-UBND ngày 15/01/2024 của CT UBND xã Hiền Kiệt	1.586	1.500	1.500	800	700	250	
2	Xã Nam Động									1.500	800	700	250	
	Nhà văn hóa bán Nót	UBND xã Nam Động	Văn hóa	Nhà 1 tầng, diện tích 208,6m2	2023	2024	150/QĐ-UBND ngày 07/11/2023; 06/QĐ-UBND ngày 15/01/2024 của CT UBND xã Nam Động	1.575	1.500	1.500	800	700	250	
3	Xã Thành Sơn									1.500	800	700	250	
	Nâng cấp, sửa chữa công trình: Nước sinh hoạt tập trung bán Sơn Thành	UBND xã Thành Sơn	Thủy lợi	Xây mới, lắp đặt 2 bể chứa, 2 tuyến ống L = 500m và L = 975m	2023	2024	160/QĐ-UBND ngày 24/8/2023; 06/QĐ-UBND ngày 17/01/2024 của CT UBND xã Thành Sơn	1.547	1.500	1.500	800	700	250	
4	Xã Trung Sơn									2.000	800	1.200	600	
	Nâng cấp đường giao thông nội thôn bán Pượn xã Trung Sơn	UBND xã Trung Sơn	Giao thông	Nâng cấp tuyến đường dài L = 639,18m đạt quy mô đường giao thông nông	2023	2024	167/QĐ-UBND ngày 24/8/2023; 14/QĐ-UBND ngày 17/01/2024 của CT UBND	2.045	2.000	2.000	800	1.200	600	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn NSTW năm 2024 (đợt 2)	Ghi chú
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng	Trong đó: Luỹ kế vốn đã bố trí đến 31/12/2023	Vốn còn thiếu		
								Tổng cộng	Trong đó NSTW					
				thôn cấp IV			xã Trung Sơn							
V	HUYỆN BÁ THƯỚC									1.400	800	600	180	
1	Xã Kỳ Tân									1.400	800	600	180	
	Nhà văn hóa thôn Bo Thượng, xã Kỳ Tân	UBND xã Kỳ Tân	Văn hóa	01 tầng; Diện tích xây dựng 212,97m ²	2023	2023	54/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 của CT UBND xã Kỳ Tân	1.433	1.400	1.400	800	600	180	
VI	HUYỆN HOÀNG HOÁ									37.290	15.600	21.690	11.150	
1	Xã Hoàng Thanh									2.470	1.000	1.470	720	
	Đường GT từ nhà ông Nghĩa Hòa thôn Trung Hải qua nhà Ông Hạnh thôn Đông Tây Hải đến tiếp giáp thôn Đông Xuân vi	UBND xã Hoàng Thanh	Giao thông	Tổng chiều dài L = 1023,52m	2023	2024	2985/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của CT UBND huyện Hoàng Hoá	6.795	2.470	2.470	1.000	1.470	720	
2	Xã Hoàng Trường									2.518	1.000	1.518	760	
	Đường giao thông 6 m thôn 1 từ nhà Bà Vân đi nhà Ông Nghị xã Hoàng Trường	UBND xã Hoàng Trường	Giao thông	Tổng chiều dài L = 749,44m	2023	2024	2695/QĐ-UBND ngày 10/7/2023 và 1400/UBND-TCKH ngày 02/6/2023 của CT UBND huyện Hoàng Hoá	8.412	2.518	2.518	1.000	1.518	760	
3	Xã Hoàng Ngọc									2.470	1.000	1.470	720	
	Tuyến đường giao thông liên thôn từ	UBND xã	Giao thông	Tổng chiều dài L = 893,69m	2023	2024	486/QĐ-UBND ngày	4.060	2.470	2.470	1.000	1.470	720	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn NSTW năm 2024 (đợt 2)	Ghi chú
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng	Trong đó: Luỹ kế vốn đã bố trí đến 31/12/2023	Vốn còn thiếu		
								Tổng cộng	Trong đó NSTW					
	thôn 3 đến thôn 1	Hoàng Ngọc					27/2/2023; 3111/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của CT UBND huyện Hoàng Hoá							
4	Xã Hoàng Hà									2.518	1.000	1.518	760	
	Đường giao thông nông thôn xã Hoàng Hà, tuyến từ TBA 3 đi thôn Ngọc Đình	UBND xã Hoàng Hà	Giao thông	Tổng chiều dài L = 900m	2023	2024	3131/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 và 1971/UBND-TCKH ngày 26/7/2023 của CT UBND huyện Hoàng Hoá	4.099	2.518	2.518	1.000	1.518	760	
5	Xã Hoàng Đạt									2.470	1.000	1.470	720	
	Nâng cấp mở rộng sân vận động trung tâm và khu chức năng văn hóa thể thao xã	UBND xã Hoàng Đạt	Văn hoá	Diện tích 8.552,1m ²	2023	2024	3482/QĐ-UBND ngày 31/8/2023 của CT UBND huyện Hoàng Hoá	2.740	2.470	2.470	1.000	1.470	720	
6	Xã Hoàng Đạo									2.470	1.000	1.470	720	
	Kênh tưới vùng quy hoạch sản xuất	UBND xã Hoàng Đạo	Thủy lợi	Tổng chiều dài L = 1.764m	2023	2024	2694/QĐ-UBND ngày 10/7/2023 của CT UBND huyện Hoàng Hoá	2.626	2.470	2.470	1.000	1.470	720	
7	Xã Hoàng Trạch									2.518	1.000	1.518	760	
	Trạm y tế xã	UBND	Y tế	2 tầng, diện tích	2023	2024	3042/QĐ-	3.017	2.518	2.518	1.000	1.518	760	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn NSTW năm 2024 (đợt 2)	Ghi chú
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng	Trong đó: Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2023	Vốn còn thiếu		
								Tổng cộng	Trong đó NSTW					
	Hoàng Trạch	xã Hoàng Trạch		xây dựng 518,8m2			UBND ngày 01/8/2023 của CT UBND huyện Hoàng Hoá							
8	Xã Hoàng Phụ									2.518	1.000	1.518	760	
	Trường THCS xã Hoàng Phụ. Hạng mục: Nhà lớp học, phòng chức năng và công trình phụ trợ	UBND xã Hoàng Phụ	Giáo dục	Nhà 3 tầng, 18 phòng, công trình phụ trợ	2023	2024	1625/QĐ-UBND ngày 16/5/2023 của CT UBND huyện Hoàng Hoá	14.663	2.518	2.518	1.000	1.518	760	
9	Xã Hoàng Thành									2.470	1.600	870	870	
	Nhà văn hóa + khu thể thao thôn 3	UBND xã Hoàng Thành	Văn hoá	150 chỗ ngồi	2023	2024	2741/QĐ-UBND ngày 14/7/2023 của CT UBND huyện Hoàng Hoá	1.725	1.235	1.235	800	435	435	
	Nhà văn hóa + khu thể thao thôn 2	UBND xã Hoàng Thành	Văn hoá	150 chỗ ngồi	2023	2024	2806/QĐ-UBND ngày 25/7/2023 của CT UBND huyện Hoàng Hoá	1.731	1.235	1.235	800	435	435	
10	Xã Hoàng Quỳ									2.518	1.000	1.518	760	
	Xây dựng trường THCS Nguyễn Văn Trỗi xã Hoàng Quỳ, huyện Hoàng Hoá	UBND xã Hoàng Quỳ	Giáo dục	Nhà 3 tầng, 15 phòng, công trình phụ trợ	2023	2024	1281/QĐ-UBND ngày 17/4/2023 của CT UBND huyện Hoàng Hoá	13.763	2.518	2.518	1.000	1.518	760	
11	Xã Hoàng Phú									2.470	1.000	1.470	720	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn NSTW năm 2024 (đợt 2)	Ghi chú
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng	Trong đó: Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2023	Vốn còn thiếu		
								Tổng cộng	Trong đó NSTW					
	Tuyến đường từ Cổng phốc đi trường tiểu học Hoằng Phú	UBND xã Hoằng Phú	Giao thông	Tổng chiều dài L = 1.536,47m	2023	2024	4908/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của CT UBND huyện Hoằng Hoá	2.954	2.470	2.470	1.000	1.470	720	
12	Xã Hoằng Quý									2.470	1.000	1.470	720	
	Nhà thi đấu đa năng	UBND xã Hoằng Quý	Văn hoá	1 tầng, Diện tích xây dựng 300m2	2023	2024	3041/QĐ-UBND ngày 01/8/2023 của CT UBND huyện Hoằng Hoá	2.533	2.470	2.470	1.000	1.470	720	
13	Xã Hoằng Đức									2.470	1.000	1.470	720	
	Tuyến đường giao thông nông thôn kèp mương thoát nước khu dân cư xã Hoằng Đức (Tuyến từ thôn Phú Thịnh đến ngã ba thôn Phúc Lộc)	UBND Xã Hoằng Đức	Giao thông	Tổng chiều dài L = 656,72m	2023	2024	3105/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của CT UBND huyện Hoằng Hoá	3.078	2.470	2.470	1.000	1.470	720	
14	Xã Hoằng Thắng									2.470	1.000	1.470	720	
	Nâng cấp mở rộng tuyến đường GTNT rãnh thoát nước 2 bên (Tuyến Trạm điện thôn Hồng Nhuệ 2 đến NVH Hồng Nhuệ đến ngã tư nhà ông Mậu gia Hòa)	UBND xã Hoằng Thắng	Giao thông	Tổng chiều dài L = 760m	2023	2024	2792/QĐ-UBND ngày 21/7/2023 của CT UBND huyện Hoằng Hoá	2.892	2.470	2.470	1.000	1.470	720	
15	Xã Hoằng Thịnh									2.470	1.000	1.470	720	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn NSTW năm 2024 (đợt 2)	Ghi chú
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng	Trong đó: Luỹ kế vốn đã bố trí đến 31/12/2023	Vốn còn thiếu		
								Tổng cộng	Trong đó NSTW					
	Trường Tiểu học Hoàng Thịnh	UBND xã Hoàng Thịnh	Giáo dục	3 tầng, 12 phòng và công trình phụ trợ	2023	2024	3195/QĐ-UBND ngày 18/8/2023 của CT UBND huyện Hoàng Hoá	11.346	2.470	2.470	1.000	1.470	720	
VII	HUYỆN NGA SON									6.956	3.000	3.956	1.860	
1	Xã Nga Điền									2.400	1.000	1.400	680	
	Công trình đường GTNT	UBND xã Nga Điền	Giao thông	Tổng chiều dài L = 634m	2023	2024	69/QĐ- UBND, ngày 25/9/2023 của CT UBND xã Nga Điền	2.508	2.400	2.400	1.000	1.400	680	
2	Xã Nga Thái									2.518	1.000	1.518	760	
	Công trình đường GTNT	UBND xã Nga Thái	Giao thông	Tổng chiều dài L = 1.707m	2023	2024	99/QĐ- UBND, ngày 02/10/2023 của CT UBND xã Nga Thái	2.700	2.518	2.518	1.000	1.518	760	
3	Xã Nga Giáp									2.038	1.000	1.038	420	
	Đường giao thông nội đồng	UBND xã Nga Giáp	Giao thông	Tổng chiều dài L = 377,91m	2023	2024	98/QĐ- UBND, ngày 22/9/2023 của CT UBND xã Nga Giáp	2.174,8	2.038	2.038	1.000	1.038	420	
VIII	HUYỆN HẬU LỘC									7.554	3.000	4.554	2.280	
1	Xã Lộc Sơn									2.518	1.000	1.518	760	
	Nâng cấp cải tạo tuyến kênh B6 xã Lộc Sơn	UBND xã Lộc Sơn	Thủy lợi	Tổng chiều dài L = 834,46m và các hạng mục phụ trợ	2023	2023	91/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của CT UBND xã Lộc Sơn	2.914	2.518	2.518	1.000	1.518	760	
2	Xã Hòa Lộc									2.518	1.000	1.518	760	
	Bê tông hóa	UBND	Giao	Chiều dài	2023	2024	94/QĐ-UBND	2.950	2.518	2.518	1.000	1.518	760	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn NSTW năm 2024 (đợt 2)	Ghi chú	
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng	Trong đó: Luỹ kế vốn đã bố trí đến 31/12/2023	Vốn còn thiếu			
								Tổng cộng	Trong đó NSTW						
	Mương tiêu từ Tây Trường đi ông Bình Quang	xã Hòa Lộc	thông	823,77m và các hạng mục phụ trợ			ngày 03/8/2023 và 10/QĐ-UBND ngày 15/01/2024 của CT UBND xã Hòa Lộc								
3	Xã Đa Lộc									2.518	1.000	1.518	760		
	Đường giao thông nông thôn từ Trạm y tế đi ông Cự	UBND xã Đa Lộc	Thủy lợi	Tổng chiều dài L = 603,39m và các hạng mục phụ trợ	2023	2024	59/QĐ-UBND ngày 17/5/2023 của CT UBND xã Đa Lộc	2.872	2.518	2.518	1.000	1.518	760		
IX	THỊ XÃ NGHI SƠN									17.341	7.000	10.341	5.130		
1	Xã Thanh Thủy									2.518	1.000	1.518	760		
	Trung tâm văn hóa xã Thanh Thủy	UBND xã Thanh Thủy	Văn hóa	Diện tích xây dựng 648m ²	2023	2024	5994/QĐ-UBND ngày 28/09/2023 của CT UBND thị xã Nghi Sơn	7.733	2.518	2.518	1.000	1.518	760		
2	Xã Thanh Sơn									2.518	1.000	1.518	760		
	Xây dựng các tuyến đường giao thông nông thôn xã Thanh Sơn	UBND xã Thanh Sơn	Giao thông	Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường với tổng chiều dài L = 1.644m	2023	2024	6374/QĐ-UBND ngày 11/10/2023 của CT UBND thị xã Nghi Sơn	5.788	2.518	2.518	1.000	1.518	760		
3	Xã Anh Sơn									2.518	1.000	1.518	760		
	Xây dựng đường giao thông nội đồng xã Anh Sơn	UBND xã Anh Sơn	Giao thông	XD ĐGT nội đồng gồm 03 tuyến, với tổng chiều dài L = 1.540,26m	2023	2023	4854/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của CT UBND thị xã Nghi Sơn	2.641	2.518	2.518	1.000	1.518	760		
4	Xã Phú Lâm									9.787	4.000	5.787	2.850		

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn NSTW năm 2024 (đợt 2)	Ghi chú
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng	Trong đó: Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2023	Vốn còn thiếu		
								Tổng cộng	Trong đó NSTW					
	Xây mới nhà lớp học 2 tầng 10 phòng và một số hạng mục phụ trợ trường tiểu học xã Phú Lâm	UBND xã Phú Lâm	Giáo dục	2 tầng, chiều cao công trình là 10,6m. Chiều cao tầng 1,2 mỗi tầng 3,6m	2023	2024	911/QĐ-UBND ngày 21/02/2023 của CT UBND thị xã Nghi Sơn	9.973	9.787	9.787	4.000	5.787	2.850	
X	HUYỆN YÊN ĐỊNH									7.554	3.000	4.554	2.280	
1	Xã Định Tăng									2.518	1.000	1.518	760	
	Nhà thi đấu đa năng Định Tăng	UBND xã Định Tăng	Văn hoá	Diện tích sàn 210m ²	2023	2024	169/QĐ-UBND, ngày 06/11/2023 của CT UBND xã Định Tăng	9.194	2.518	2.518	1.000	1.518	760	
2	Xã Định Thành									2.518	1.000	1.518	760	
	Trường Mầm non xã Định Thành (phòng học và phòng chức năng)	UBND xã Định Thành	Giáo dục	Nhà 2 tầng (10 phòng học chức năng)	2023	2024	68/QĐ-UBND, ngày 3/11/2023 của CT UBND xã Định Thành	6.978	2.518	2.518	1.000	1.518	760	
3	Xã Định Tiến									2.518	1.000	1.518	760	
	Nhà Thi đấu đa năng xã Định Tiến	UBND xã Định Tiến	Văn hoá	Diện tích sàn 210m ²	2023	2024	125/QĐ-UBND, ngày 4/11/2023 của CT UBND xã Định Tiến	7.779	2.518	2.518	1.000	1.518	760	
XI	HUYỆN ĐÔNG SƠN									10.072	4.000	6.072	3.040	
1	Xã Đông Hoàng									2.518	1.000	1.518	760	
	Xây dựng kênh mương bê tông nội đồng xã Đông Hoàng: Tuyến	UBND xã Đông Hoàng	Thủy lợi	Công trình thủy lợi cấp IV, Tổng chiều dài L = 611,97m	2023	2025	87/QĐ-UBND ngày 01/6/2023 và 44/QĐ-UBND ngày	3.570	2.518	2.518	1.000	1.518	760	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn NSTW năm 2024 (đợt 2)	Ghi chú
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng	Trong đó: Luỹ kế vốn đã bố trí đến 31/12/2023	Vốn còn thiếu		
								Tổng cộng	Trong đó NSTW					
	kênh B5/10A đi thôn Cẩm Tú xã Đông Hoàng						28/02/2024 của CT UBND xã Đông Hoàng							
2	Xã Đông Hòa									2.518	1.000	1.518	760	
	Xây dựng kênh mương nội đồng xã Đông Hòa, Tuyến kênh Cồn Cam - Thôn Phú Minh.	UBND xã Đông Hòa	Thủy lợi	Công trình thủy lợi cấp IV, Tổng chiều dài L = 497,06m	2023	2025	305/QĐ-UBND ngày 01/6/2023 và 117/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 của CT UBND xã Đông Hòa	3.420	2.518	2.518	1.000	1.518	760	
3	Xã Đông Quang									2.518	1.000	1.518	760	
	Nâng cấp, cải tạo hệ thống kênh từ nhà Ông Nhung thôn Văn Ba đến cống đập tràn nắp bộ, xã Đông Quang	UBND xã Đông Quang	Thủy lợi	Công trình thủy lợi cấp IV, Tổng chiều dài L = 787,66m	2023	2025	71/QĐ-UBND ngày 01/6/2023; 31/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 của CT UBND xã Đông Quang	4.984	2.518	2.518	1.000	1.518	760	
4	Xã Đông Phú									2.518	1.000	1.518	760	
	Nâng cấp, cải tạo kênh mương từ giáp kênh cầu Đình đi HTX Hát Bình thôn Hoàng Văn, xã Đông Phú	UBND xã Đông Phú	Thủy lợi	Công trình thủy lợi cấp IV, tổng chiều dài L = 561,08m	2023	2025	331/QĐ-UBND ngày 01/6/2023; 114/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 của CT UBND xã Đông Phú	3.187	2.518	2.518	1.000	1.518	760	
XII	HUYỆN THIỆU HOÁ									29.786	12.000	17.786	8.820	
1	Xã Thiệu Chính									2.475	1.000	1.475	730	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn NSTW năm 2024 (đợt 2)	Ghi chú
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng	Trong đó: Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2023	Vốn còn thiếu		
								Tổng cộng	Trong đó NSTW					
	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ ĐT 515C đi ĐT 515	UBND xã Thiệu Chính	Giao thông	Tổng chiều dài L = 1.027m	2023	2025	3490/QĐ-UBND ngày 30/8/2023 của CT UBND huyện Thiệu Hoá Thiệu Hoá	6.499	2.475	2.475	1.000	1.475	730	
2	Xã Thiệu Ngọc									2.475	1.000	1.475	730	
	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ UBND xã đê tá sông Chu	UBND xã Thiệu Ngọc	Giao thông	Tổng chiều dài L = 852m	2023	2025	3342/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của CT UBND huyện Thiệu Hoá	6.999	2.475	2.475	1.000	1.475	730	
3	Xã Thiệu Lý									2.475	1.000	1.475	730	
	Đường từ Thôn 3 đến Thôn 5	UBND xã Thiệu Lý	Giao thông	Tổng chiều dài L = 813m	2023	2025	3522/QĐ-UBND ngày 31/8/2023 của CT UBND huyện Thiệu Hoá	4.741	2.475	2.475	1.000	1.475	730	
4	Xã Thiệu Vận									2.475	1.000	1.475	730	
	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ ĐT 515 đi đê hữu sông Chu	UBND xã Thiệu Vận	Giao thông	Tổng chiều dài L = 1.531m	2023	2025	3002/QĐ-UBND ngày 28/7/2023 của CT UBND huyện Thiệu Hoá	7.011	2.475	2.475	1.000	1.475	730	
5	Xã Tân Châu									2.518	1.000	1.518	760	
	Dự án Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ Thôn 3 đi Thôn 2	UBND xã Tân Châu	Giao thông	Tổng chiều dài L = 809m	2023	2025	2903/QĐ-UBND ngày 13/7/2023 của CT UBND huyện Thiệu	6.952	2.518	2.518	1.000	1.518	760	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn NSTW năm 2024 (đợt 2)	Ghi chú
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng	Trong đó: Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2023	Vốn còn thiếu		
								Tổng cộng	Trong đó NSTW					
							Hoá							
6	Xã Thiệu Tiên									2.475	1.000	1.475	730	
	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ UBND xã đến đường vào khu di tích lịch sử cách mạng Nhà thờ họ Vương	UBND xã Thiệu Tiên	Giao thông	Tổng chiều dài L = 1.550m	2023	2025	3024/QĐ-UBND ngày 28/7/2023 của CT UBND huyện Thiệu Hoá	7.499	2.475	2.475	1.000	1.475	730	
7	Xã Thiệu Toán									2.518	1.000	1.518	760	
	Dự án Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ thôn Toán Ty đi thôn Toán Thọ	UBND xã Thiệu Toán	Giao thông	Cải tạo, nâng cấp thảm bê tông nhựa trên tuyến, cải tạo xây dựng lại hệ thống rãnh thoát nước,	2023	2025	3343/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của CT UBND huyện Thiệu Hoá	6.999	2.518	2.518	1.000	1.518	760	
8	Xã Thiệu Công									2.475	1.000	1.475	730	
	Nâng cấp, cải tạo tại đường giao thông từ trường THCS đến thôn Minh Thượng	UBND xã Thiệu Công	Giao thông	Tổng chiều dài L = 1.606m	2023	2025	3375/QĐ-UBND ngày 17/8/2023 của CT UBND huyện Thiệu Hoá	6495	2475	2.475	1.000	1.475	730	
9	Xã Thiệu Thành									2.475	1.000	1.475	730	
	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ UBND xã đi đê hữu sông Cầu Chày	UBND xã Thiệu Thành	Giao thông	Tổng chiều dài L = 1.167m	2023	2025	4002/QĐ-UBND ngày 20/9/2023 của CT UBND huyện Thiệu Hoá	6499	2475	2.475	1.000	1.475	730	
10	Xã Thiệu Hợp									2.475	1.000	1.475	730	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn NSTW năm 2024 (đợt 2)	Ghi chú
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng	Trong đó: Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2023	Vốn còn thiếu		
								Tổng cộng	Trong đó NSTW					
	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông tá sông Chu	UBND xã Thiệu Hợp	Giao thông	Tổng chiều dài L = 1.056m	2023	2025	2904/QĐ-UBND ngày 13/7/2023 của CT UBND huyện Thiệu Hoá	6.915	2.475	2.475	1.000	1.475	730	
11	Xã Thiệu Quang									2.475	1.000	1.475	730	
	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ Trường PTTH Nguyễn Quán Nho đến đê hữu sông Cầu Chày	UBND xã Thiệu Quang	Giao thông	Tổng chiều dài L = 719m	2023	2025	3374/QĐ-UBND ngày 17/8/2023 của CT UBND huyện Thiệu Hoá	6499	2475	2.475	1.000	1.475	730	
12	Xã Thiệu Thịnh									2.475	1.000	1.475	730	
	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ đê sông Chu qua UBND xã đến đê sông Chu	UBND xã Thiệu Thịnh	Giao thông	Tổng chiều dài L = 1.140m	2023	2025	3023/QĐ-UBND ngày 28/7/2023 của CT UBND huyện Thiệu Hoá	6.497	2.475	2.475	1.000	1.475	730	
XIII	HUYỆN NÔNG CỐNG									20.000	8.000	12.000	6.000	
1	Xã Tân Thọ									2.500	1.000	1.500	750	
	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông, kết hợp làm kênh mương tiêu thoát nước khu dân cư thôn Mỹ Thanh, thôn Thái Bình	UBND xã Tân Thọ	Giao thông	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường và tuyến kênh với tổng chiều dài L = 557m	2023	2023	41/QĐ-UBND ngày 22/5/2023; 102a/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của CT UBND xã Tân Thọ	3.135	2.500	2.500	1.000	1.500	750	
2	Xã Tế Nông									2.500	1.000	1.500	750	
	Nâng cấp, mở rộng	UBND	Giao	Nâng cấp, mở	2023	2024	49/QĐ-UBND	3.187	2.500	2.500	1.000	1.500	750	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn NSTW năm 2024 (đợt 2)	Ghi chú
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng	Trong đó: Luỹ kế vốn đã bố trí đến 31/12/2023	Vốn còn thiếu		
								Tổng cộng	Trong đó NSTW					
	tuyến đường liên thôn từ thôn Đạt Tiến 1 đi thôn Tế Độ	xã Tế Nông	thông	rộng tuyến đường với chiều dài L = 3.537,28m			ngày 14/9/2023; 07/QĐ-UBND ngày 15/01/2023 của CT UBND xã Tế Nông							
3	Xã Tượng Sơn									2.500	1.000	1.500	750	
	Đường giao thông liên thôn từ thôn Thị Long đi thôn Thái Tượng, xã Tượng Sơn	UBND xã Tượng Sơn	Giao thông	Xây dựng tuyến đường với chiều dài L = 1.020m	2023	2023	111/QĐ-UBND ngày 11/7/2023; 54/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của CT UBND xã Tượng Sơn	3.282	2.500	2.500	1.000	1.500	750	
4	Xã Công Liêm									2.500	1.000	1.500	750	
	Xây dựng kênh mương nội đồng thôn Hậu Áng, thôn Đoài Đạo	UBND xã Công Liêm	Thủy lợi	Xây dựng tuyến kênh với chiều dài L = 1.047,62m	2023	2024	37/QĐ-UBND ngày 20/9/2023; 55/QĐ-UBND ngày 31/12/2023 của CT UBND xã Công Liêm	2.657	2.500	2.500	1.000	1.500	750	
5	Xã Tượng Lĩnh									2.500	1.000	1.500	750	
	Mở rộng, nâng cấp đường giao thông nông thôn từ đường 512 đến Trung tâm xã Tượng Lĩnh	UBND xã Tượng Lĩnh	Giao thông	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường với chiều dài L = 479,88m	2023	2024	45/QĐ-UBND ngày 07/8/2023; 03/QĐ-UBND ngày 13/01/2024 của CT UBND xã Tượng Lĩnh	3.058	2.500	2.500	1.000	1.500	750	
6	Xã Trường Minh									2.500	1.000	1.500	750	
	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông nông thôn từ đường sắt thôn Đặng Đồi đến	UBND xã Trường Minh	Giao thông	Nâng cấp tuyến đường giao thông dài L = 1.162,31m	2023	2024	56/QĐ-UBND ngày 11/9/2023; 08/QĐ-UBND ngày 15/01/2024 của CT UBND	3.058	2.500	2.500	1.000	1.500	750	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn NSTW năm 2024 (đợt 2)	Ghi chú
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng	Trong đó: Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2023	Vốn còn thiếu		
								Tổng cộng	Trong đó NSTW					
	công làng Phú Viên						xã Trường Minh							
7	Xã Hoàng Sơn									2.500	1.000	1.500	750	
	Kênh mương tưới tiêu nội đồng thôn Thanh Liêm	UBND xã Hoàng Sơn	Thủy lợi	Xây dựng tuyến kênh với chiều dài L = 1.131,36m	2023	2024	67/QĐ-UBND ngày 15/9/2023; 15/QĐ-UBND ngày 15/01/2024 của CT UBND xã Hoàng Sơn	2.858	2.500	2.500	1.000	1.500	750	
8	Xã Công Chính									2.500	1.000	1.500	750	
	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông thôn Tam Hòa	UBND xã Công Chính	Giao thông	Xây dựng tuyến đường giao thông dài L = 825,36m	2023	2024	99/QĐ-UBND ngày 08/9/2023; 117/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của CT UBND xã Công Chính	2.577	2.500	2.500	1.000	1.500	750	
XIV	HUYỆN HÀ TRUNG									4.950	2.000	2.950	1.460	
1	Xã Yên Sơn									2.475	1.000	1.475	730	
	Nâng cấp đường giao thông kết nối từ QL 217 đi đường tỉnh 508, xã Yên Sơn	UBND xã Yên Sơn	Giao thông	Tổng chiều dài L = 541,83m	2023	2024	213/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của CT UBND xã Yên Sơn	3.292	2.475	2.475	1.000	1.475	730	
2	Xã Hà Bắc									2.475	1.000	1.475	730	
	Trạm Y tế xã	UBND xã Hà Bắc	Y tế	Xây mới trạm y tế 2 tầng	2023	2024	117/QĐ-UBND ngày 02/10/2023 của CT UBND xã Hà Bắc	6.520	2.475	2.475	1.000	1.475	730	
B	CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI THEO									334.414	45.550	288.864	190.400	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn NSTW năm 2024 (đợt 2)	Ghi chú
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng	Trong đó: Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2023	Vốn còn thiếu		
								Tổng cộng	Trong đó NSTW					
	NGHỊ QUYẾT 397/NQ-HĐND NGÀY 12/7/2023													
I	HUYỆN THẠCH THÀNH									53.900	7.800	46.100	29.930	
1	Xã Thành Công									2.700	600	2.100	1.290	
	Đường giao thông thôn Trường Châu xã Thành Công, huyện Thạch Thành	UBND xã Thành Công	Giao thông	Tổng chiều dài L = 1.367,85m	2023	2024	3675/QĐ-UBND ngày 07/11/2023 của CT UBND huyện Thạch Thành	2.824	2.700	2.700	600	2.100	1.290	
2	Xã Thành Yên									4.000	600	3.400	2.200	
	Hội trường nhà văn hóa xã Thành Yên, huyện Thạch Thành	UBND xã Thành Yên	Văn hóa	Quy mô: 250 chỗ ngồi	2023	2024	3619/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 của CT UBND huyện Thạch Thành	4.742	4.000	4.000	600	3.400	2.200	
3	Xã Thạch Tượng									4.000	600	3.400	2.200	
	Xây dựng các phòng học chức năng Trường THCS xã Thạch Tượng, huyện Thạch Thành	UBND xã Thạch Tượng	Giáo dục	Nhà hiệu bộ 2 tầng, diện tích xây dựng: 502m2	2023	2024	3693/QĐ-UBND ngày 08/11/2023 của CT UBND huyện Thạch Thành	6.480	4.000	4.000	600	3.400	2.200	
4	Xã Thành Minh									4.000	600	3.400	2.200	
	Xây dựng các phòng học chức năng Trường tiểu học 2 xã Thành Minh, huyện	UBND xã Thành Minh	Giáo dục	Nhà hiệu bộ 2 tầng, diện tích XD: 426m2; Hạng mục phụ trợ, diện tích	2023	2024	3667/QĐ-UBND ngày 06/11/2023 của CT UBND huyện Thạch	5.834	4.000	4.000	600	3.400	2.200	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn NSTW năm 2024 (đợt 2)	Ghi chú
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng	Trong đó: Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2023	Vốn còn thiếu		
								Tổng cộng	Trong đó NSTW					
	Thạch Thành			352,2m2			Thành							
5	Xã Thành Mỹ									4.000	600	3.400	2.200	
	Đường giao thông thôn Vân Đình, Phong Phú xã Thành Mỹ, huyện Thạch Thành	UBND xã Thành Mỹ	Giao thông	Tổng chiều dài L = 2.054m	2023	2024	3740/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 của CT UBND huyện Thạch Thành	4.141	4.000	4.000	600	3.400	2.200	
6	Hỗ trợ thực hiện Chương trình chuyên đề									11.000	600	10.400	7.100	
	Đường giao thông nội đồng vùng quy hoạch sản xuất sản phẩm OCOP "tinh dầu sả chanh", xã Thành Vinh, huyện Thạch Thành	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Thạch Thành	Giao thông	Tổng chiều dài L = 7.377,79m	2023	2024	3744/QĐ-UBND ngày 13/11/2023 của CT UBND huyện Thạch Thành	11.294	11.000	11.000	600	10.400	7.100	
7	Xã Thành Tiến									3.500	600	2.900	1.850	
	Hội trường nhà văn hóa xã Thành Tiến, huyện Thạch Thành	UBND xã Thành Tiến	Văn hóa	Quy mô: 250 chỗ ngồi	2024	2024	3730/QĐ-UBND ngày 9/11/2023 của CT UBND huyện Thạch Thành	4.796	3.500	3.500	600	2.900	1.850	
8	Xã Ngọc Trạo									3.500	600	2.900	1.850	
	Hội trường nhà văn hóa xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành	UBND xã Ngọc Trạo	Văn hóa	Quy mô: 250 chỗ ngồi	2024	2024	3727/QĐ-UBND ngày 9/11/2023 của CT UBND huyện Thạch Thành	4.502	3.500	3.500	600	2.900	1.850	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn NSTW năm 2024 (đợt 2)	Ghi chú
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng	Trong đó: Luỹ kế vốn đã bố trí đến 31/12/2023	Vốn còn thiếu		
								Tổng cộng	Trong đó NSTW					
9	Xã Thành Tân								3.200	600	2.600	1.640		
	Đường giao thông thôn Hòa Sơn, thôn Bái Đang xã Thành Tân, huyện Thạch Thành	UBND xã Thành Tân	Giao thông	Tổng chiều dài L = 1.788,81m	2024	2024	3760/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của CT UBND huyện Thạch Thành	3.347	3.200	3.200	600	2.600	1.640	
10	Xã Thành Vinh								3.500	600	2.900	1.850		
	Nhà hiệu bộ Trường tiểu học xã Thành Vinh, huyện Thạch Thành	UBND xã Thành Vinh	Giáo dục	Nhà hiệu bộ 03 tầng, Diện tích XD: 245m ²	2024	2024	3780/QĐ-UBND ngày 16/11/2023 của CT UBND huyện Thạch Thành	4.495	3.500	3.500	600	2.900	1.850	
11	Xã Thạch Quảng								3.500	600	2.900	1.850		
	Hội trường nhà văn hóa Thạch Quảng, huyện Thạch Thành	UBND xã Thạch Quảng	Văn hóa	Quy mô: 350 chỗ ngồi	2024	2024	3908/QĐ-UBND ngày 24/11/2023 của CT UBND huyện Thạch Thành	6.299	3.500	3.500	600	2.900	1.850	
12	Xã Thạch Cẩm								3.500	600	2.900	1.850		
	Đường giao thông thôn Thành Quang, Cẩm Lợi 1, xã Thạch Cẩm, huyện Thạch Thành	UBND xã Thạch Cẩm	Giao thông	Tổng chiều dài L = 1.647,47m	2024	2024	3792/QĐ-UBND ngày 17/11/2023 của CT UBND huyện Thạch Thành	3.697	3.500	3.500	600	2.900	1.850	
13	Xã Thạch Long								3.500	600	2.900	1.850		
	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn 1, thôn 2, xã	UBND xã Thạch	Giao thông	Tổng chiều dài L = 2.507,61m	2024	2024	3741/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 của	3.940	3.500	3.500	600	2.900	1.850	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn NSTW năm 2024 (đợt 2)	Ghi chú
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng	Trong đó: Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2023	Vốn còn thiếu		
								Tổng cộng	Trong đó NSTW					
	Thạch Long, huyện Thạch Thành	Long					CT UBND huyện Thạch Thành							
II	HUYỆN NHƯ THANH									17.000	1.800	15.200	10.100	
1	Hỗ trợ thực hiện Chương trình chuyên đề									10.000	600	9.400	6.400	
	Cải tạo, nâng cấp hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông tại điểm du lịch đã được quy hoạch là Điểm du lịch Phú Na, xã Xuân Du, huyện Như Thanh	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Như Thanh	Giao thông	Tổng chiều dài L = 2.089,24m được chia làm 02 đoạn	2023	2024	4019/QĐ-UBND ngày 28/11/2023 của CT UBND huyện Như Thanh	10.534	10.000	10.000	600	9.400	6.400	
2	Xã Phụng Nghi									3.500	600	2.900	1.850	
	Đầu tư xây dựng tuyến đường thôn Bái Đa 1, xã Phụng Nghi. Hạng mục: Cầu trần Cây Lai	UBND xã Phụng Nghi	Giao thông	Đầu tư xây dựng 01 Cầu trần bằng BTCT; làm mới đường hai đầu cầu chiều dài L=151,22m	2023	2024	3793/QĐ-UBND ngày 07/11/2023 của CT UBND huyện Như Thanh	3.502	3.500	3.500	600	2.900	1.850	
3	Xã Thanh Tân									3.500	600	2.900	1.850	
	Mở rộng tuyến đường thôn Đồng Lâm và nâng cấp tuyến đường thôn Thanh Quang, xã Thanh Tân, huyện Như Thanh	UBND xã Thanh Tân	Giao thông	Tổng chiều dài L = 3.050m	2023	2024	3718/QĐ-UBND ngày 30/10/2023 của CT UBND huyện Như Thanh	3.728	3.500	3.500	600	2.900	1.850	
III	HUYỆN CẨM									18.400	2.400	16.000	11.390	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn NSTW năm 2024 (đợt 2)	Ghi chú
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng	Trong đó: Luỹ kế vốn đã bố trí đến 31/12/2023	Vốn còn thiếu		
								Tổng cộng	Trong đó NSTW					
	THỦY													
1	Xã Cẩm Lương								9.000	600	8.400	6.150		
	Cải tạo, nâng cấp đường liên thôn xã Cẩm Lương, huyện Cẩm Thủy	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Cẩm Thủy	Giao thông	Đầu tư xây dựng 02 tuyến đường đạt tiêu chuẩn đường Cấp A; tổng chiều dài 02 tuyến L = 1.300m	2023	2024	355/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của CT UBND huyện Cẩm Thủy	10.800	9.000	9.000	600	8.400	6.150	
2	Hợp tác xã dịch vụ tổng hợp Cẩm Phú, huyện Cẩm Thủy								2.400	600	1.800	1.200		
	Xây dựng kênh mương nội đồng khu sản xuất lúa nếp hạt cau, xã Cẩm Phú, huyện Cẩm Thủy (Hợp tác xã DVTH Cẩm Phú)	UBND xã Cẩm Phú	Thủy lợi	Đầu tư xây dựng mới tuyến mương nội đồng với tổng chiều dài L = 2.004m	2023	2024	351/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của CT UBND huyện Cẩm Thủy	3.000	2.400	2.400	600	1.800	1.200	
3	Xã Cẩm Thạch								3.500	600	2.900	2.020		
	Kiên cố hoá kênh mương nội đồng các thôn: Chiềng, Chén, Bùi, Văn Thung xã Cẩm Thạch, huyện Cẩm Thủy	UBND xã Cẩm Thạch	Thủy lợi	Đầu tư xây dựng mới tuyến mương thôn: Chiềng, Chén, Bùi, Văn Thung với tổng chiều dài L = 3.990m	2023	2024	352/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của CT UBND huyện Cẩm Thủy	3.861	3.500	3.500	600	2.900	2.020	
4	Xã Cẩm Long								3.500	600	2.900	2.020		
	Xây dựng phòng	UBND	Giáo	Đầu tư xây	2023	2024	354/QĐ-UBND	4.002	3.500	3.500	600	2.900	2.020	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn NSTW năm 2024 (đợt 2)	Ghi chú
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng	Trong đó: Luỹ kế vốn đã bố trí đến 31/12/2023	Vốn còn thiếu		
								Tổng cộng	Trong đó NSTW					
	học, chức năng và công trình phụ trợ Trường Tiểu học Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy	xã Cẩm Long	dục	dựng mới 6 phòng học chức năng và công trình phụ trợ			ngày 05/02/2024 của CT UBND huyện Cẩm Thủy							
IV	HUYỆN NGỌC LẶC									27.570	3.600	23.970	15.690	
1	Xã Phùng Giáo									10.000	600	9.400	6.400	
	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông từ làng Bằng đi làng Môn xã Phùng Giáo, huyện Ngọc Lặc	UBND xã Phùng Giáo	Giao thông	Tổng chiều dài L = 2.527m	2023	2024	142/QĐ-UBND ngày 17/11/2023 của CT UBND xã Phùng Giáo	10.525	10.000	10.000	600	9.400	6.400	
2	Xã Cao Ngọc									3.500	600	2.900	1.850	
	Sân vận động xã Cao Ngọc, huyện Ngọc Lặc	UBND xã Cao Ngọc	Văn hóa	Nền sân, đường chạy, khán đài, hệ thống thoát nước nhà vệ sinh	2023	2024	210/QĐ-UBND ngày 23/10/2023 của CT UBND xã Cao Ngọc	5.210	3.500	3.500	600	2.900	1.850	
3	Xã Minh Tiến									3.500	600	2.900	1.850	
	Xây dựng nhà lớp học Trường mầm non xã Minh Tiến, huyện Ngọc Lặc	UBND xã Minh Tiến	Giáo dục	Nhà lớp học mầm non 2 tầng, 04 phòng	2023	2024	12/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của CT UBND xã Minh Tiến	4.777	3.500	3.500	600	2.900	1.850	
4	Xã Phùng Minh									3.500	600	2.900	1.850	
	Sân vận động xã Phùng Minh, huyện Ngọc Lặc	UBND xã Phùng Minh	Văn hóa	Nền sân, đường chạy, khán đài, hệ thống thoát nước nhà vệ sinh	2023	2024	195/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 của CT UBND xã Phùng Minh	3.513	3.500	3.500	600	2.900	1.850	
5	Xã Vân Am									3.570	600	2.970	1.890	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn NSTW năm 2024 (đợt 2)	Ghi chú
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng	Trong đó: Luỹ kế vốn đã bố trí đến 31/12/2023	Vốn còn thiếu		
								Tổng cộng	Trong đó NSTW					
	Sửa chữa, nâng cấp hội trường đa năng xã Vân Am, huyện Ngọc Lặc	UBND xã Vân Am	Văn hóa	xây mới 04 phòng chức năng, và các hạng mục: nhà vệ sinh, công, tường rào, hệ thống rãnh thoát nước	2023	2024	211/QĐ-UBND ngày 22/11/2023 của CT UBND xã Vân Am	3.589	3.570	3.570	600	2.970	1.890	
6	Xã Phùng Giáo									3.500	600	2.900	1.850	
	Trạm Y tế xã Phùng Giáo, huyện Ngọc Lặc	UBND xã Phùng Giáo	Y tế	Nhà 2 tầng làm việc, nhà trực, quầy thuốc, công, tường rào	2023	2024	151/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 của CT UBND xã Phùng Giáo	3.605	3.500	3.500	600	2.900	1.850	
V	HUYỆN THƯỜNG XUÂN									12.200	1.200	11.000	7.440	
1	Hỗ trợ thực hiện Chương trình chuyên đề									10.000	600	9.400	6.500	
	Cải tạo, nâng cấp hoàn thiện kết cấu hạ tầng đồng bộ phục vụ phát triển du lịch tại bản Vịn, xã Bát Mọt, huyện Thường Xuân	UBND xã Bát Mọt	Văn hóa	Tuyến đường giao thông chính chiều dài L = 300m. Khu vực tổ chức lễ hội du lịch cộng đồng bản Vịn rộng khoảng 11.386m ²	2023	2024	108/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của CT UBND xã Bát Mọt	10.990	10.000	10.000	600	9.400	6.500	
2	Xã Yên Nhân									2.200	600	1.600	940	
	Xây dựng Đập Na Xá, thôn My, xã Yên Nhân, huyện Thường Xuân	UBND xã Yên Nhân	Thủy lợi	Cấp IV, có chiều dài đập L = 114,19m	2023	2024	180/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 của CT UBND xã Yên Nhân	2.247	2.200	2.200	600	1.600	940	
V	HUYỆN QUAN									17.600	2.400	15.200	9.920	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn NSTW năm 2024 (đợt 2)	Ghi chú
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng	Trong đó: Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2023	Vốn còn thiếu		
								Tổng cộng	Trong đó NSTW					
	HOÁ													
1	Hỗ trợ thực hiện Chương trình chuyên đề									8.000	600	7.400	5.000	
	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông từ bản Cua đi bản Cùm, xã Nam Tiến, huyện Quan Hoá	UBND xã Nam Tiến	Giao thông	Đường giao thông cấp C, dài L = 3.371,92m	2023	2024	154/QĐ-UBND ngày 22/11/2023 của CT UBND xã Nam Tiến	8.200	8.000	8.000	600	7.400	5.000	
2	Xã Phú Lệ									3.300	600	2.700	1.710	
	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông bản Đuồm và bản Sại, xã Phú Lệ, huyện Quan Hóa	UBND xã Phú Lệ	Giao thông	Đường giao thông nông thôn loại B, miền núi; tổng chiều dài tuyến L = 506,59m	2023	2024	121/QĐ-UBND ngày 03/11/2023 của CT UBND xã Phú Lệ	3.500	3.300	3.300	600	2.700	1.710	
3	Xã Phú Thanh									3.300	600	2.700	1.710	
	Nâng cấp đường giao thông bản Trung Tân, xã Phú Thanh, huyện Quan Hóa	UBND xã Phú Thanh	Giao thông	Đường giao thông cấp C; tổng chiều dài tuyến L = 925,4m	2023	2024	120/QĐ-UBND ngày 24/11/2023 của CT UBND xã Phú Thanh	3.500	3.300	3.300	600	2.700	1.710	
4	Xã Thiên Phú									3.000	600	2.400	1.500	
	Xây mới nhà văn hóa bản Sài, xã Thiên Phú, huyện Quan Hoá	UBND xã Thiên Phú	Văn hóa	Công trình nhà sàn; diện tích xây dựng: 367,08m ²	2023	2024	142a/QĐ-UBND ngày 02/10/2023 của CT UBND xã Thiên Phú	3.200	3.000	3.000	600	2.400	1.500	
VI	HUYỆN QUAN SON									29.650	4.800	24.850	15.930	
1	Hỗ trợ thực hiện									14.000	600	13.400	9.200	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn NSTW năm 2024 (đợt 2)	Ghi chú
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng	Trong đó: Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2023	Vốn còn thiếu		
								Tổng cộng	Trong đó NSTW					
	Chương trình chuyên đề													
	Cải tạo cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch cộng đồng bản Ngâm, xã Sơn Điện, huyện Quan Sơn	UBND xã Sơn Điện	Giao thông	Đường giao thông L= 1.591,96m; hệ thống thoát nước; điện chiếu sáng 285m, khu lễ hội chính, sân nhà văn hóa bản Ngâm, xây dựng cảnh quan dọc sông Luồng và công trình phụ trợ	2023	2025	2234/QĐ-UBND ngày 31/12/2023; 200/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của CT UBND huyện Quan Sơn	14.120	14.000	14.000	600	13.400	9.200	
2	Xã Trung Xuân									3.300	600	2.700	1.710	
	Đập mương Đum, bản Phú Nam, xã Trung Xuân, huyện Quan Sơn	UBND xã Trung Xuân	Thủy lợi	Tràn BTCT chiều rộng B = 10m; kênh Tổng chiều dài L = 729,41m	2023	2024	1972/QĐ-UBND ngày 01/12/2023; 203/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của CT UBND huyện Quan Sơn	3.350	3.300	3.300	600	2.700	1.710	
3	Xã Trung Tiến									3.300	1.200	2.100	1.100	
	Nhà văn hoá bản Đe, xã Trung Tiến, huyện Quan Sơn	UBND xã Trung Tiến	Văn hóa	Diện tích xây dựng: 235.7m ² ; diện tích sân: 186.5m ² ;	2023	2024	2096/QĐ-UBND ngày 20/12/2023; 199/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của CT UBND huyện Quan	1.700	1.650	1.650	600	1.050	550	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn NSTW năm 2024 (đợt 2)	Ghi chú
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng	Trong đó: Luỹ kế vốn đã bố trí đến 31/12/2023	Vốn còn thiếu		
								Tổng cộng	Trong đó NSTW					
							Son							
	Nhà căn hoá bán Tong, xã Trung Tiến, huyện Quan Sơn	UBND xã Trung Tiến	Văn hóa	Diện tích xây dựng: 235,7m ² ; diện tích sàn: 186,5m ² ;	2023	2024	1783/QĐ-UBND ngày 08/11/2023; 204/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của CT UBND huyện Quan Sơn	1.700	1.650	1.650	600	1.050	550	
4	Xã Trung Thượng									2.450	600	1.850	1.110	
	Nhà văn hoá bán Máy, xã Trung Thượng, huyện Quan Sơn	UBND xã Trung Thượng	Văn hóa	Diện tích xây dựng: 235,7m ² ; diện tích sàn: 186,5m ² ;	2023	2024	1741/QĐ-UBND ngày 01/11/2023; 197/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của CT UBND huyện Quan Sơn	2.500	2.450	2.450	600	1.850	1.110	
5	Xã Tam Thanh									3.300	600	2.700	1.710	
	Đập mương bán Pa, xã Tam Thanh, huyện Quan Sơn	UBND xã Tam Thanh	Thủy lợi	Tràn BTCT thiết kế: Bt = 26m; Kênh dài L = 645,39m	2023	2024	2085/QĐ-UBND ngày 19/12/2023; 198/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của CT UBND huyện Quan Sơn	3.350	3.300	3.300	600	2.700	1.710	
6	Xã Mường Mìn									3.300	1.200	2.100	1.100	
	Nhà văn hoá bán Yên, xã Mường Mìn, huyện Quan Sơn	UBND xã Mường Mìn	Văn hóa	Diện tích xây dựng: 235,7m ² ; diện tích sàn: 186,5m ² ;	2023	2025	1719/QĐ-UBND ngày 30/10/2023; 195/QĐ-UBND	1.700	1.650	1.650	600	1.050	550	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn NSTW năm 2024 (đợt 2)	Ghi chú
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng	Trong đó: Luỹ kế vốn đã bố trí đến 31/12/2023	Vốn còn thiếu		
								Tổng cộng	Trong đó NSTW					
							ngày 05/02/2024 của CT UBND huyện Quan Sơn							
	Nhà văn hóa bán Bôn, xã Mường Mìn, huyện Quan Sơn	UBND xã Mường Mìn	Văn hóa	Diện tích xây dựng: 235.7m ² ; diện tích sàn: 186.5m ² ;	2023	2025	1718/QĐ-UBND ngày 30/10/2023; 196/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của CT UBND huyện Quan Sơn	1.700	1.650	1.650	600	1.050	550	
VII	HUYỆN NHƯ XUÂN									19.900	2.400	17.500	11.530	
1	Hỗ trợ thực hiện Chương trình chuyên đề									10.000	600	9.400	6.400	
	Cải tạo, nâng cấp hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông tại điểm du lịch đã được quy hoạch là Đền Chín Gian, xã Thanh Quân, huyện Như Xuân	UBND xã Thanh Quân	Giao thông	Tổng chiều dài L = 2.600m	2023	2024	2319/QĐ-UBND ngày 01/11/2023; 2831/QĐ-UBND ngày 23/12/2023 của CT UBND huyện Như Xuân	10.500	10.000	10.000	600	9.400	6.400	
2	Xã Bình Lương									3.300	600	2.700	1.710	
	Đường Giao thông làng Gió đi Làng Sao (Đoạn từ nhà ông Trương Văn Huệ (Làng Gió) đến nhà ông Lê	UBND xã Bình Lương	Giao thông	Bê tông xi măng tuyến chính, chiều dài L = 1.600m	2023	2024	2316/QĐ-UBND ngày 01/11/2023; 2717/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của	3.500	3.300	3.300	600	2.700	1.710	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn NSTW năm 2024 (đợt 2)	Ghi chú
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng	Trong đó: Luỹ kế vốn đã bố trí đến 31/12/2023	Vốn còn thiếu		
								Tổng cộng	Trong đó NSTW					
	Khắc Tăng (Làng Sao), xã Bình Lương						CT UBND huyện Như Xuân							
3	Xã Thượng Ninh								3.300	600	2.700	1.710		
	Sân thể thao xã Thượng Ninh, huyện Như Xuân	UBND xã Thượng Ninh	Văn hóa	Sân nền công trường rào, đường vào sân thể thao dài 250m	2023	2024	2317/QĐ-UBND ngày 01/11/2023; 2716/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của CT UBND huyện Như Xuân	3.500	3.300	3.300	600	2.700	1.710	
4	Xã Xuân Hòa								3.300	600	2.700	1.710		
	Nâng cấp mở rộng đường giao thông khu trung tâm đoạn tại thôn Nghệ xã Xuân Hòa, huyện Như Xuân	UBND xã Xuân Hòa	Giao thông	Bê tông nhựa và rãnh thoát nước chiều dài 600m	2023	2024	2318/QĐ-UBND ngày 01/11/2023; 2899/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của CT UBND huyện Như Xuân	3.400	3.300	3.300	600	2.700	1.710	
VIII	HUYỆN LANG CHÁNH								16.600	1.800	14.800	9.920		
1	Xã Tam Vãn								10.000	600	9.400	6.500		
	Đường giao thông bản Lọng, bản Cú Tá, xã Tam Vãn, huyện Lang Chánh	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Lang	Giao thông	Cứng hoá 10 tuyến đường với tổng chiều dài L = 3.660m	2024	2025	165/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của CT UBND huyện Lang Chánh	10.142	10.000	10.000	600	9.400	6.500	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn NSTW năm 2024 (đợt 2)	Ghi chú
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng	Trong đó: Luỹ kế vốn đã bố trí đến 31/12/2023	Vốn còn thiếu		
								Tổng cộng	Trong đó NSTW					
		Chánh												
2	Xã Lâm Phú									3.300	600	2.700	1.710	
	Đường giao thông nông thôn bản Nà Đang, xã Lâm Phú, huyện Lang Chánh	UBND xã Lâm Phú	Giao thông	Tổng chiều dài L = 545,31m	2024	2024	141/QĐ-UBND ngày 21/11/2023 của CT UBND xã Lâm Phú	3306	3300	3.300	600	2.700	1.710	
3	Xã Đồng Lương									3.300	600	2.700	1.710	
	Hội trường trung tâm Văn hóa thể thao xã Đồng Lương, huyện Lang Chánh	UBND xã Đồng Lương	Văn hoá	154 chỗ ngồi	2024	2024	150/QĐ-UBND ngày 20/11/2023 của CT UBND xã Đồng Lương	3316,513	3300	3.300	600	2.700	1.710	
IX	HUYỆN BÁ THƯỚC									17.694	1.200	16.494	11.210	
1	Hỗ trợ thực hiện Chương trình chuyên đề									14.394	600	13.794	9.500	
	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng điểm du lịch Bản Đôn xã Thành Lâm, huyện Bá Thước	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Bá Thước	Giao thông + Văn hoá	- Hạng mục 1: Đầu tư cải tạo, nâng cấp tuyến đường có chiều dài L = 878,74m - Hạng mục 2: diện tích 1,06ha gồm khu vực sinh hoạt văn hóa cộng đồng, khu vực khám phá, dạo chơi trong không gian truyền thống	2023	2025	4080/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 và 293/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 của CT UBND huyện Bá Thước	14.702	14.394	14.394	600	13.794	9.500	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn NSTW năm 2024 (đợt 2)	Ghi chú
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng	Trong đó: Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2023	Vốn còn thiếu		
								Tổng cộng	Trong đó NSTW					
2	Xã Ái Thượng									3.300	600	2.700	1.710	
	Nhà lớp học và bộ môn trường tiểu học xã Ái Thượng, huyện Bá Thước	UBND xã Ái Thượng	Giáo dục	Nhà 2 tầng, 4 phòng, DTXD 317,34m ²	2023	2025	234/QĐ-UBND ngày 06/11/2023 của CT UBND xã Ái Thượng	3.403	3.300	3.300	600	2.700	1.710	
X	THỊ XÃ NGHI SƠN									5.000	600	4.400	3.000	
1	Hỗ trợ thực hiện Chương trình chuyên đề									5.000	600	4.400	3.000	
	Đường giao thông nội đồng trong vùng quy hoạch sản xuất nguyên liệu OCOP "Mật ong rừng Am Cúc", xã Định Hải, thị xã Nghi Sơn	UBND xã Định Hải	Giao thông	Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường với tổng chiều dài L = 2.300,6m	2023	2024	7247/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của CT UBND thị xã Nghi Sơn	5.401	5.000	5.000	600	4.400	3.000	
XI	HUYỆN NGA SƠN									9.800	1.800	8.000	5.160	
1	Hỗ trợ thực hiện Chương trình chuyên đề									5.000	600	4.400	3.000	
	Xây dựng hạ tầng phục vụ vùng quy hoạch sản xuất nguyên liệu sản phẩm OCOP "Dưa hấu xứ đảo Mai An Tiêm" xã Nga Yên, huyện Nga Sơn	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Nga Sơn	Giao thông, thủy lợi	Tổng chiều dài L = 1.190,12m	2023	2024	2993/QĐ-UBND ngày 22/11/2023 của CT UBND huyện Nga Sơn	6.000	5.000	5.000	600	4.400	3.000	
2	Hợp tác xã nông nghiệp Ba Đình,									2.400	600	1.800	1.080	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn NSTW năm 2024 (đợt 2)	Ghi chú
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng	Trong đó: Luỹ kế vốn đã bố trí đến 31/12/2023	Vốn còn thiếu		
								Tổng cộng	Trong đó NSTW					
	xã Ba Đình													
	Đầu tư xây dựng nhà trạm bơm Cống Thồ, và kè bờ hữu Kênh Đình - Vịnh, xã Ba Đình, huyện Nga Sơn (Hợp tác xã nông nghiệp Ba Đình, xã Ba Đình)	UBND xã Ba Đình	Thủy lợi	Xây dựng nhà trạm bơm Cống Thồ, với tổng chiều dài L = 270m	2023	2023	172/QĐ-UBND, ngày 02/11/2023 của CT UBND xã Nga Ba Đình	3.000	2.400	2.400	600	1.800	1.080	
3	Hợp tác xã nông nghiệp Nga Điền, xã Nga Điền									2.400	600	1.800	1.080	
	Đường trục chính giao thông nội đồng, xã Nga Điền, huyện Nga Sơn (HTX NN Nga Điền, xã Nga Điền)	UBND xã Nga Điền	Giao thông	Tổng chiều dài L = 1.027,54m	2023	2023	73/QĐ- UBND, ngày 02/10/2023 của CT UBND xã Nga Điền	3.000	2.400	2.400	600	1.800	1.080	
XII	HUYỆN YÊN ĐỊNH									4.800	1.200	3.600	2.160	
1	Hợp tác xã dịch vụ sản xuất nông nghiệp xã Yên Hùng, huyện Yên Định									2.400	600	1.800	1.080	
	Kiên cố hóa kênh tưới nội đồng xã Yên Hùng, huyện Yên Định (HTXDVSX NN xã Yên Hùng)	UBND xã Yên Hùng	Thủy lợi	Tổng chiều dài L= 1444,30m	2023	2024	511/QĐ-UBND ngày 31/10/2023 của CT UBND xã Yên Hùng	3.000	2.400	2.400	600	1.800	1.080	
2	Hợp tác xã dịch									2.400	600	1.800	1.080	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn NSTW năm 2024 (đợt 2)	Ghi chú
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng	Trong đó: Luỹ kế vốn đã bố trí đến 31/12/2023	Vốn còn thiếu		
								Tổng cộng	Trong đó NSTW					
	vụ nông nghiệp xã Định Tăng, huyện Yên Định													
	Kiên cố hóa kênh tưới nội đồng xã Định Tăng, huyện Yên Định (HTXDV NN xã Định Tăng)	UBND xã Định Tăng	Thủy lợi	Tổng chiều dài L = 1.946,57m	2023	2024	162/QĐ-UBND ngày 3/11/2023 của CT UBND xã Định Tăng	3.000	2.400	2.400	600	1.800	1.080	
XIII	HUYỆN THỌ XUÂN									13.700	2.400	11.300	7.240	
1	Hỗ trợ thực hiện Chương trình chuyên đề									6.500	600	5.900	4.000	
	Bê tông hóa các tuyến đường giao thông nội đồng, kênh mương nội đồng vùng quy hoạch sản xuất lúa làm nguyên liệu phát triển sản phẩm OCOP Bánh lá răng bừa, xã Xuân Lập, huyện Thọ Xuân	UBND xã Xuân Lập	Giao thông	Xây dựng tuyến đường, mương với tổng chiều dài L = 4.902,95m	2023	2024	6708/QĐ - UBND ngày 22/11/2023 của CT UBND huyện Thọ Xuân	7.087	6.500	6.500	600	5.900	4.000	
2	Hợp tác xã nông nghiệp Quảng Phú, xã Quảng Phú									2.400	600	1.800	1.080	
	Xưởng phân loại và đóng gói sản phẩm, xã Quảng	UBND xã Quảng	Hạ tầng	Diện tích xây dựng 480m2, chiều cao nhà	2024	2024	52/QĐ -UBND ngày 03/01/2024 của	3.161	2.400	2.400	600	1.800	1.080	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn NSTW năm 2024 (đợt 2)	Ghi chú
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng	Trong đó: Luỹ kế vốn đã bố trí đến 31/12/2023	Vốn còn thiếu		
								Tổng cộng	Trong đó NSTW					
	Phú, huyện Thọ Xuân (HTX NN Quảng Phú, xã Quảng Phú)	Phú		8m			CT UBND xã Quảng Phú							
3	Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn Xuân Minh, Xã Xuân Minh									2.400	600	1.800	1.080	
	Xưởng phân loại và đóng gói sản phẩm, xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân (HTX DVNN&PTNT Xuân Minh, Xã Xuân Minh)	UBND xã Xuân Minh	Hạ tầng	Diện tích xây dựng 480m2, chiều cao nhà 8m	2024	2024	29/QĐ -UBND ngày 12/01/2024 của CT UBND xã Xuân Minh	3.069	2.400	2.400	600	1.800	1.080	
4	Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Toàn Năng, huyện Thọ Xuân									2.400	600	1.800	1.080	
	Đường trục chính giao thông nội đồng, xã Trường Xuân, huyện Thọ Xuân (HTX DVNN Toàn Năng, huyện Thọ Xuân)	UBND xã Trường Xuân	Giao thông	6 tuyến, tổng chiều dài L = 1.542,85m	2024	2024	238/QĐ - UBND ngày 28/12/2023 của CT UBND xã Trường Xuân	3.000	2.400	2.400	600	1.800	1.080	
XIV	HUYỆN THIỆU HOÁ									6.500	600	5.900	4.000	
1	Hỗ trợ thực hiện Chương trình									6.500	600	5.900	4.000	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn NSTW năm 2024 (đợt 2)	Ghi chú
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng	Trong đó: Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2023	Vốn còn thiếu		
								Tổng cộng	Trong đó NSTW					
	chuyên đề													
	Xây dựng đường giao thông, kênh mương nội đồng vùng sản xuất lúa theo hướng hữu cơ làm nguyên liệu phát triển sản phẩm OCOP Bánh đa; bánh đa nem; cơm cháy xã Tân Châu, huyện Thiệu Hoá	UBND xã Tân Châu	Giao thông	Tổng chiều dài L = 2.345m	2023	2024	527/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 của CT UBND xã Tân Châu	7.289	6.500	6.500	600	5.900	4.000	
XV	HUYỆN NÔNG CỐNG									5.000	600	4.400	3.000	
1	Hỗ trợ thực hiện Chương trình chuyên đề									5.000	600	4.400	3.000	
	Xây dựng hệ thống đường giao thông trong vùng quy hoạch sản xuất nguyên liệu cói phục vụ xây dựng sản phẩm OCOP thủ công mỹ nghệ trên địa bàn huyện Nông Cống	UBND xã Trường Trung	Giao thông	Xây dựng tuyến đường giao thông với chiều dài L = 1.800m	2023	2024	109/QĐ-UBND ngày 25/9/2023; 149/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 của CT UBND xã Trường Trung	6.171	5.000	5.000	600	4.400	3.000	
XVI	HUYỆN HÀ TRUNG									2.400	600	1.800	1.080	
1	Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp số 1 Hoạt Giang,									2.400	600	1.800	1.080	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn NSTW năm 2024 (đợt 2)	Ghi chú
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng	Trong đó: Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2023	Vốn còn thiếu		
								Tổng cộng	Trong đó NSTW					
	huyện Hà Trung													
	Xây dựng kênh mương nội đồng, xã Hoạt Giang, huyện Hà Trung (Hợp tác xã DVNN số 1 Hoạt Giang, huyện Hà Trung)	UBND xã Hoạt Giang	Thủy lợi	Tổng chiều dài L = 589,95m	2024	2025	209/QĐ-UBND ngày 09/11/2023 của CT UBND xã Hoạt Giang	3.000	2.400	2.400	600	1.800	1.080	
XVII	HUYỆN HOÀNG HÓA									16.400	1.200	15.200	10.280	
1	Xã Hoàng Ngọc									14.000	600	13.400	9.200	
	Xây dựng đường giao thông nối từ tỉnh lộ 510 (ngã tư Gòng) đến xã Hoàng Ngọc (cây xăng Ngọc Đình), huyện Hoàng Hoá	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Hoàng Hoá	Giao thông	Chiều dài khoảng L = 2.500m đảm bảo quy mô đường cấp IV đồng bằng, chiều rộng nền đường Bn = 9m; chiều rộng mặt đường Bm = 7m	2023	2024	5155/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của CT UBND huyện	55.000	14.000	14.000	600	13.400	9.200	
2	Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp xã Hoàng Lưu									2.400	600	1.800	1.080	
	Đầu tư xây dựng đường trục chính giao thông nội đồng khu sản xuất lúa năng suất, chất lượng cao, xã Hoàng Lưu, huyện Hoàng Hoá (HTX	UBND xã Hoàng Lưu	Giao thông	3 tuyến, tổng chiều dài L = 1.421,1m	2023	2024	3609/QĐ-UBND ngày 18/9/2023 của CT UBND huyện	3.000	2.400	2.400	600	1.800	1.080	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn NSTW năm 2024 (đợt 2)	Ghi chú
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng	Trong đó: Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2023	Vốn còn thiếu		
								Tổng cộng	Trong đó NSTW					
	DVNN xã Hoàng Lưu)													
XVIII	HUYỆN HẬU LỘC									14.800	1.800	13.000	8.560	
1	Xã Triệu Lộc									10.000	600	9.400	6.400	
	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã Triệu Lộc, huyện Hậu Lộc	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Hậu Lộc	Giao thông	Tổng chiều dài L = 1.558m	2023	2025	4461/QĐ-UBND ngày 27/11/2023 của CT UBND huyện Hậu Lộc	12.960	10.000	10.000	600	9.400	6.400	
2	Hợp tác xã nông nghiệp Quang Lộc, huyện Hậu Lộc									2.400	600	1.800	1.080	
	Kiên cố hóa đường trục chính giao thông nội đồng và kênh mương nội đồng xã Quang Lộc, huyện Hậu Lộc (HTX nông nghiệp Quang Lộc)	UBND xã Quang Lộc	Giao thông + Thủy lợi	Chiều dài đường L= 904,1m; chiều dài mương L = 314,97m	2023	2024	166/QĐ-UBND ngày 12/10/2023 của CT UBND xã Quang Lộc	3.799	2.400	2.400	600	1.800	1.080	
3	Hợp tác xã nông nghiệp Minh Lộc, huyện Hậu Lộc									2.400	600	1.800	1.080	
	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng xã Minh Lộc, huyện Hậu Lộc (HTX nông nghiệp Minh Lộc)	UBND xã Minh Lộc	Thủy lợi	Tổng chiều dài L = 1.348,37m	2023	2024	153/QĐ-UBND ngày 25/10/2023 của CT UBND xã Minh Lộc	3.346	2.400	2.400	600	1.800	1.080	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn NSTW năm 2024 (đợt 2)	Ghi chú
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng	Trong đó: Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2023	Vốn còn thiếu		
								Tổng cộng	Trong đó NSTW					
XIX	HUYỆN MƯỜNG LÁT									25.500	5.350	20.150	12.860	
1	Xã Mường Lý									2.900	740	2.160	1.410	
	Quy hoạch chung xã Mường Lý, huyện Mường Lát	UBND xã Mường Lý	Quy hoạch	QH toàn bộ xã Mường Lý với diện tích 8.398,98ha	2023	2024	2146/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của CT UBND huyện Mường Lát	539	400	400	140	260	260	
	Xây dựng nhà Văn hóa bán Sải Khao, huyện Mường Lát	UBND xã Mường Lý	Văn hóa	San nền; xây dựng nhà 80 chỗ có diện tích xây dựng 154,35m ² và các hạng mục phụ trợ	2023	2024	333/QĐ-UBND ngày 16/12/2023; 40/QĐ-UBND ngày 01/03/2024 của CT UBND xã Mường Lý	2.520	2.500	2.500	600	1.900	1.150	
2	Xã Pù Nhi									1.700	740	960	470	
	Quy hoạch chung xã Pù Nhi, huyện Mường Lát	UBND xã Pù Nhi	Quy hoạch	QH toàn bộ xã Pù Nhi với diện tích 6.571,97ha	2023	2024	2135/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 của CT UBND huyện Mường Lát	507	400	400	140	260	260	
	Nâng cấp, cải tạo đập, kênh mương Pù Quăn, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát	UBND xã Pù Nhi	Thủy lợi	Nâng cấp, cải tạo tuyến kênh dài L = 1.300m, nạo vét khơi thông dòng chảy, thay mới tuyến ống dẫn nước	2023	2024	254/QĐ-UBND ngày 01/12/2023; 68/QĐ-UBND ngày 01/03/2024 của CT UBND xã Pù Nhi	1.319	1.300	1.300	600	700	210	
3	Xã Quang Chiêu									4.500	1.200	3.300	1.950	
	Xây dựng nhà văn hóa bán Sáng, xã	UBND xã	Văn hóa	Xây dựng nhà văn hoá 120	2023	2024	175/QĐ-UBND ngày	1.515	1.500	1.500	600	900	450	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền		Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn NSTW năm 2024 (đợt 2)	Ghi chú	
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng	Trong đó: Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2023			Vốn còn thiếu
								Tổng cộng	Trong đó NSTW					
	Quang Chiêu, huyện Mường Lát	Quang Chiêu		chỗ ngồi, diện tích 176,30m ² và các hạng mục phụ trợ			20/11/2023; 46/QĐ-UBND ngày 01/03/2024 của CT UBND xã Quang Chiêu							
	Xây dựng nhà văn hóa bản Xim, xã Quang Chiêu, huyện Mường Lát	UBND xã Quang Chiêu	Văn hóa	Xây dựng nhà văn hoá 250 chỗ ngồi; diện tích 245,43m ² và các hạng mục phụ trợ	2023	2024	207/QĐ-UBND ngày 25/12/2023; 47/QĐ-UBND ngày 01/03/2024 của CT UBND xã Quang Chiêu	3.020	3.000	3.000	600	2.400	1.500	
4	Xã Tam Chung									400	140	260	260	
	Quy hoạch chung xã Tam Chung, huyện Mường Lát	UBND xã Tam Chung	Quy hoạch	Quy hoạch toàn bộ xã Tam Chung với diện tích 12.150,76ha	2023	2024	2165/QĐ-UBND ngày 08/12/2023 của CT UBND huyện Mường Lát	533	400	400	140	260	260	
5	Xã Trung Lý									400	130	270	270	
	Quy hoạch chung xã Trung Lý, huyện Mường Lát	UBND xã Trung Lý	Quy hoạch	QH toàn bộ xã Trung Lý với diện tích 19.750,27ha	2023	2024	2136/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của CT UBND huyện Mường Lát	536	400	400	130	270	270	
6	Xã Mường Chanh									15.600	2.400	13.200	8.500	
	Đường giao thông bản Na Hào, xã Mường Chanh, huyện Mường Lát	UBND xã Mường Chanh	Giao thông	Công trình cấp IV; đường giao thông nông thôn loại B; chiều dài	2023	2024	179/QĐ-UBND ngày 06/12/2023; 54/QĐ-UBND ngày 01/03/2024	1.018	1.000	1.000	600	400	100	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền		Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn NSTW năm 2024 (đợt 2)	Ghi chú	
							Số QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT		Tổng cộng	Trong đó: Luỹ kế vốn đã bố trí đến 31/12/2023			Vốn còn thiếu
								Tổng cộng	Trong đó NSTW					
				L = 374,23m			của CT UBND xã Mùòng Chanh							
	Xây dựng chợ xã Mùòng Chanh, huyện Mùòng Lát	UBND xã Mùòng Chanh	Cơ sở hạ tầng thương mại	San nền; xây dựng khu bán hàng tiêu dùng và bán hàng tươi ng 1 tầng diện tích 282,84m ² và các hạng mục phụ trợ	2023	2024	185/QĐ-UBND ngày 13/12/2023; 57/QĐ-UBND ngày 01/03/2024 của CT UBND xã Mùòng Chanh	5.255	5.000	5.000	600	4.400	2.900	
	Xây dựng sân vận động xã Mùòng Chanh, huyện Mùòng Lát	UBND xã Mùòng Chanh	Văn hóa	San lấp mặt bằng, sân diện tích 481,1m ² ; đường nội bộ, khán đài; tường rào và các hạng mục phụ trợ khác	2023	2024	186/QĐ-UBND ngày 15/12/2023; 58/QĐ-UBND ngày 01/03/2024 của CT UBND xã Mùòng Chanh	7.250	7.000	7.000	600	6.400	4.300	
	Đầu tư xây dựng khuôn viên và hoàn thiện các hạng mục khác của Trung tâm văn hóa thể thao xã Mùòng Chanh, huyện Mùòng Lát	UBND xã Mùòng Chanh	Văn hóa	Xây dựng nhà trức, sân, đường nội bộ, công, tường rào, nhà để xe, tường chắn, rãnh thoát nước	2024	2024	31/QĐ-UBND ngày 05/02/2024; 55/QĐ-UBND ngày 01/03/2024 của CT UBND xã Mùòng Chanh	2.625	2.600	2.600	600	2.000	1.200	

Phụ lục IV:
DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ NĂM 2024 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
(CÁC DỰ ÁN DỰ KIẾN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2024)
(Kèm theo Quyết định số 1300/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NSTW năm 2024 (đợt 2)	Ghi chú
							QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMDT				
								Tổng cộng	Trong đó NSTW			
	TỔNG CỘNG	83								193.601	62.616	
I	HUYỆN HOÀNG HOÁ									5.036	1.620	
1	Xã Hoàng Trinh									2.518	810	
	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nông thôn dọc kênh N3 từ xã Hoàng Trinh đi xã Hoàng Kim	UBND xã Hoàng Trinh	Giao thông	Tổng chiều dài L = 569,63m	2023	2025	5154/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của CT UBND huyện	5.959	2.518	2.518	810	
2	Xã Hoàng Cát									2.518	810	
	Xây dựng phòng học đa năng trường THCS xã Hoàng Cát	UBND xã Hoàng Cát	Giáo dục	Đầu tư xây dựng mới phòng học đa năng (03 tầng 06 phòng) và các công trình phụ trợ	2023	2024	5074/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của CT UBND huyện	5.285	2.518	2.518	810	
II	HUYỆN NGA SƠN									4.918	1.590	
1	Xã Ba Đình									2.400	780	
	Công trình đường GTNT	UBND xã Ba Đình	Giao thông	Tổng chiều dài L = 1.430m	2024	2024	210/QĐ-UBND, ngày 29/12/2023 của CT UBND xã Ba Đình	6.000	2.400	2.400	780	
2	Xã Nga Phụng									2.518	810	
	Công trình đường giao thông nội đồng Nga Phụng	UBND xã Nga Phụng	Giao thông	Tổng chiều dài L = 1.542m	2024	2024	217/QĐ-UBND, ngày 29/12/2023 của CT UBND xã Nga Phụng	4.000	2.518	2.518	810	
III	HUYỆN THỌ XUÂN									7.554	2.430	
1	Xã Xuân phú									2.518	810	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NSTW năm 2024 (đợt 2)	Ghi chú
							QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT				
								Tổng cộng	Trong đó NSTW			
	Đường giao thông trục chính xã Xuân Phú	UBND xã Xuân Phú	Giao thông	Tổng chiều dài L = 367,67m	2024	2024	66/QĐ- UBND ngày 07/12/2023 của CT UBND xã Xuân Phú	3.570	2.518	2.518	810	
2	Xã Thuận Minh									2.518	810	
	Xây mới 2 phòng học, 2 tầng, Nâng cấp tu bổ cải tạo các lớp học nhà Hiệu bộ, Kho, nâng cấp sân trường Mầm non Xuân Châu	UBND xã Thuận Minh	Giáo dục	2 phòng học, 2 tầng; nâng cấp nhà hiệu bộ, 10 phòng học nhà 2 tầng...	2024	2024	121/QĐ- UBND ngày 26/10/2023 của CT UBND xã Thuận Minh	3.686	2.518	2.518	810	
3	Xã Quảng Phú									2.518	810	
	Sân vận động, trung tâm xã và đường nối từ Sân vận động đến đường giao thông thôn 7	UBND xã Quảng Phú	Văn hóa + Giao thông	Tổng chiều dài đường L = 320m và san nền sân vận động	2024	2024	147/QĐ- UBND ngày 01/11/2023 của CT UBND xã Quảng Phú	2.956	2.518	2.518	810	
IV	HUYỆN NÔNG CỐNG									2.500	810	
1	Xã Trung Thành									2.500	810	
	Xây dựng kênh tưới, tiêu trục 32, xã Trung Thành	UBND xã Trung Thành	Thủy lợi	Tổng chiều dài L = 416,96m	2024	2025	09/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của CT UBND xã Trung Thành	2.653	2.500	2500	810	
V	HUYỆN TRIỆU SON									6.036	1.970	
1	Xã Bình Sơn									2.518	810	
	Đường giao thông từ thôn Cây xe đi xã Cán Khê	UBND xã Bình Sơn	Giao thông	Tổng chiều dài L = 1.219,24m	2024	2024	180/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của CT UBND xã Bình Sơn	2.640	2.518	2.518	810	
2	Xã Thọ Bình									2.518	810	
	Đường giao thông từ thôn 3 đi thôn 4	UBND xã Thọ Bình	Giao thông	Tổng chiều dài L = 1.064,26m	2024	2024	288/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của CT UBND xã Thọ Bình	2.667	2.518	2.518	810	
3	Xã Thọ Phú									1.000	350	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NSTW năm 2024 (đợt 2)	Ghi chú
							QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT				
								Tổng cộng	Trong đó NSTW			
	Trường Tiểu học và THCS	UBND xã Thọ Phú	Giáo dục	Lát gạch sân trường diện tích 2.045,02m ² và một số hạng mục phụ trợ khác	2024	2024	14/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 của CT UBND xã Thọ Phú	1.008	1.000	1.000	350	
VI	HUYỆN THẠCH THÀNH									7.554	2.430	
1	Xã Thành Trục									2.518	810	
	Xây dựng nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ trường TH xã Thành Trục	UBND xã Thành Trục	Giáo dục	Xây dựng nhà hiệu bộ 2 tầng, 10 phòng, diện tích xây dựng khoảng 390m ²	2024	2025	QĐ 394/QĐ-UBND ngày 31/1/2024 của CT UBND huyện Thạch Thành	4.407	2.518	2.518	810	
2	Xã Thạch Bình									2.518	810	
	Xây dựng nhà bếp ăn và khuôn viên trường Mầm non xã Thạch Bình	UBND xã Thạch Bình	Giáo dục	Nhà bếp ăn có diện tích xây dựng khoảng 200m ²	2024	2025	QĐ 396/QĐ-UBND ngày 31/1/2024 của CT UBND huyện Thạch Thành	2.708	2.518	2.518	810	
3	Xã Thành An									2.518	810	
	Kênh mương nội đồng thôn Dũ Thẳng, xã Thành An	UBND xã Thành An	Thủy lợi	Tổng chiều dài khoảng L = 2.120m	2024	2025	QĐ 395/QĐ-UBND ngày 31/1/2024 của CT UBND huyện Thạch Thành	2.755	2.518	2.518	810	
VII	HUYỆN QUAN HOÁ									8.897	2.890	
1	Xã Nam Tiến									3.900	1.260	
	Nhà văn hóa bán Ken, xã Nam Tiến	UBND xã Nam Tiến	Văn hóa	Nhà 1 tầng	2024	2024	125a ngày 13/10/2023 của CT UBND xã Nam Tiến	1.578	1.500	1.500	480	
	Nhà văn hóa bán Cùm, xã Nam Tiến	UBND xã Nam Tiến	Văn hóa	Nhà 1 tầng	2024	2024	124a ngày 12/10/2023 của CT UBND xã Nam Tiến	2.525	2.400	2.400	780	
2	Xã Phú Lệ									2.387	780	
	Nâng cấp mương Nà Mạ, bản Sại, xã Phú Lệ	UBND xã Phú Lệ	Thủy lợi	Cấp IV, Chiều dài 435,54m	2024	2024	20//QĐ-UBND ngày 16/01 của CT UBND xã Phú Lệ	1.504	1.487	1.487	480	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NSTW năm 2024 (đợt 2)	Ghi chú
							QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT				
								Tổng cộng	Trong đó NSTW			
	Nâng cấp, sửa chữa, mở rộng nhà văn hóa bản Tân Phúc, xã Phú Lệ	UBND xã Phú Lệ	Văn hóa	Cấp IV	2024	2024	21/QĐ-UBND ngày 16/01/2024 của CT UBND xã Phú Lệ	918	900	900	300	
3	Xã Phú Xuân									286	100	
	Nâng cấp đường giao thông nội thôn bản Éo, xã Phú Xuân	UBND xã Phú Xuân	Giao thông	Tổng chiều dài L = 114,93m	2024	2024	184/UBND ngày 28/12/2023 của CT UBND xã Nam Xuân	300	286	286	100	
4	Xã Trung Thành									786	250	
	Xây mới nhà văn hóa bản Tân Lập, xã Trung Thành	UBND xã Trung Thành	Văn hóa	Cấp IV	2024	2024	173B/QĐ-UBND ngày 18/10/2023 của CT UBND xã Trung Thành	1.236	786	786	250	
5	Xã Nam Xuân									466	150	
	Nâng cấp mặt đường giao thông bản Nam Tân	UBND xã Nam Xuân	Giao thông	Tổng chiều dài L = 286,65m	2024	2024	166/UBND ngày 29/12/2023 của CT UBND xã Nam Xuân	489	466	466	150	
6	Xã Phú Sơn									286	100	
	Sửa chữa nhà Văn hóa Bản Chiềng, xã Phú Sơn	UBND xã Phú Sơn	Văn hóa	Diện tích 205,30m ²	2024	2024	90/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của CT UBND xã Phú Sơn	300	286	286	100	
7	Xã Hiền Chung									786	250	
	Nâng cấp đường giao thông bản Yên, xã Hiền Chung	UBND xã Hiền Chung	Giao thông	Tổng chiều dài L = 293,91	2024	2024	228/ ngày 29/12/2023 của CT UBND xã Hiền Chung	826	786	786	250	
VIII	HUYỆN BÁ THƯỚC									60.322	19.510	
1	Xã Kỳ Tân									6.787	2.180	
	Nhà văn hóa thôn Bo Hạ	UBND xã Kỳ Tân	Văn hóa	1 tầng; diện tích xây dựng 213m ²	2024	2025	165/QĐ-UBND ngày 6/12/2023 của CT UBND xã Kỳ Tân	1.421	1.400	1.400	450	
	Trần giao thông qua suối thôn Bo Thượng	UBND xã	Giao thông	Tổng chiều dài L = 251,53m	2024	2025	162/QĐ-UBND ngày 6/12/2023 của CT	2.477	2.387	2.387	780	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NSTW năm 2024 (đợt 2)	Ghi chú
							QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT				
								Tổng cộng	Trong đó NSTW			
		Kỳ Tân					UBND xã Kỳ Tân					
	Đường giao thông thôn Buốc	UBND xã Kỳ Tân	Giao thông	Tổng chiều dài L = 500m	2024	2025	168/QĐ-UBND ngày 6/12/2023 của CT UBND xã Kỳ Tân	818	800	800	250	
	Đường giao thông khu dân cư Na Bó thôn Hiềng	UBND xã Kỳ Tân	Giao thông	Tổng chiều dài L = 415,7m	2024	2025	166/QĐ-UBND ngày 6/12/2023 của CT UBND xã Kỳ Tân	813	800	800	250	
	Nhà văn hóa thôn Khả	UBND xã Kỳ Tân	Văn hóa	1 tầng; diện tích xây dựng 213m ²	2024	2025	163/QĐ-UBND ngày 6/12/2023 của CT UBND xã Kỳ Tân	1.421	1.400	1.400	450	
2	Xã Điện Quang									2.000	700	
	Nhà văn hóa thôn Xê	UBND xã Điện Quang	Văn hóa	1 tầng; diện tích xây dựng 150m ²	2024	2025	284/QĐ-UBND ngày 24/11/2023 của UBND xã Điện Quang	1.049	1.000	1.000	350	
	Nhà văn hóa thôn Mít	UBND xã Điện Quang	Văn hóa	1 tầng; diện tích xây dựng 177,97m ²	2024	2025	285/QĐ-UBND ngày 24/11/2023 của UBND xã Điện Quang	1.050	1.000	1.000	350	
3	Xã Thiết Ống									3.187	1.000	
	Nhà văn hóa thôn Chun	UBND xã Thiết Ống	Văn hóa	1 tầng; diện tích xây dựng 177,97m ²	2024	2025	252/QĐ-UBND ngày 7/12/2023 của CT UBND xã Thiết Ống	805	800	800	250	
	Nhà văn hóa thôn Nán	UBND xã Thiết Ống	Văn hóa	1 tầng; DTXD 151,2m ²	2024	2025	251/QĐ-UBND ngày 7/12/2023 của CT UBND xã Thiết Ống	806	800	800	250	
	Nhà văn hóa thôn Trếch	UBND xã Thiết Ống	Văn hóa	1 tầng; diện tích xây dựng 177,97m ²	2024	2025	250/QĐ-UBND ngày 7/12/2023 của CT UBND xã Thiết Ống	823	800	800	250	
	Nhà văn hóa thôn Liên Thành	UBND xã	Văn hóa	1 tầng; diện tích xây dựng	2024	2025	249/QĐ-UBND ngày 7/12/2023 của CT	805	787	787	250	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NSTW năm 2024 (đợt 2)	Ghi chú
							QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT				
								Tổng cộng	Trong đó NSTW			
		Thiết Ống		177,97m2			UBND xã Thiết Ống					
4	Xã Lương Nội									1.100	350	
	Nhà văn hóa thôn Âm	UBND xã Lương Nội	Văn hóa	1 tầng; diện tích xây dựng 177,97m2	2024	2025	233/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của CT UBND xã Lương Nội	1.154	1.100	1.100	350	
5	Xã Cổ Lũng									5.800	1.860	
	Đường lên thác Hiêu + Kè suối Hiêu	UBND xã Cổ Lũng	Giao thông	Tổng chiều dài L = 1.273,57m	2024	2025	176/QĐ-UBND ngày 6/12/2023 của CT UBND xã Cổ Lũng	3.673	3.600	3.600	1.160	
	Nhà văn hóa thôn Tền Mới	UBND xã Cổ Lũng	Văn hóa	1 tầng; diện tích xây dựng 177,97m2	2024	2025	177/QĐ-UBND ngày 6/12/2023 của CT UBND xã Cổ Lũng	1.121	1.100	1.100	350	
	Nhà văn hóa thôn Lác	UBND xã Cổ Lũng	Văn hóa	1 tầng; diện tích xây dựng 153,1m2	2024	2025	178/QĐ-UBND ngày 6/12/2023 của CT UBND xã Cổ Lũng	1.130	1.100	1.100	350	
6	Xã Điền Hạ									8.687	2.800	
	Nhà lớp học Trường Trung học cơ sở	UBND xã Điền Hạ	Giáo dục	Nhà 02 tầng 04 phòng; diện tích xây dựng 317,34m2	2024	2025	216/QĐ-UBND ngày 4/12/2023 của CT UBND xã Điền Hạ	3.627	3.500	3.500	1.130	
	Nhà văn hóa thôn Xăm	UBND xã Điền Hạ	Văn hóa	1 tầng; diện tích xây dựng 146,01m2	2024	2025	217/QĐ-UBND ngày 4/12/2023 của CT UBND xã Điền Hạ	1.130	1.100	1.100	350	
	Đường giao thông thôn Đền	UBND xã Điền Hạ	Giao thông	Tổng chiều dài L = 2.593m	2024	2025	215/QĐ-UBND ngày 4/12/2023 của CT UBND xã Điền Hạ	4.111	4.087	4.087	1.320	
7	Xã Điền Thượng									8.687	2.850	
	Sân vận động xã	UBND xã Điền Thượng	Văn hóa	Diện tích: 8.310m2 (Nhà vệ sinh, sân khấu, khán đài, tường rào, cải tạo nền sân vận động, công rãnh thoát nước, hệ thống	2024	2025	480/QĐ-UBND ngày 23/11/2023 của CT UBND xã Điền Thượng	4.144	3.987	3.987	1.300	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NSTW năm 2024 (đợt 2)	Ghi chú
							QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT				
								Tổng cộng	Trong đó NSTW			
				điện chiếu sáng...)								
	Nhà chức năng trường THCS Điền Thượng	UBND xã Điền Thượng	Giáo dục	Nhà lớp học chức năng 02 tầng 04 phòng; diện tích xây dựng 170m ²	2024	2025	482/QĐ-UBND ngày 23/11/2023 của CT UBND xã Điền Thượng	2.098	2.000	2.000	650	
	Nhà văn hóa thôn Thượng Sơn	UBND xã Điền Thượng	Văn hóa	1 tầng; diện tích xây dựng 200m ²	2024	2025	479/QĐ-UBND ngày 23/11/2023 của CT UBND xã Điền Thượng	1.160	1.100	1.100	350	
	Đường giao thông thôn Lau	UBND xã Điền Thượng	Giao thông	Tổng chiều dài L = 821,12m	2024	2025	481/QĐ-UBND ngày 23/11/2023 của CT UBND xã Điền Thượng	1.660	1.600	1.600	550	
8	Xã Lũng Cao									4.500	1.450	
	Cầu thôn Hin	UBND xã Lũng Cao	Giao thông	Bề rộng cầu B = 6,5m; chiều dài cầu L = 21,7m	2024	2025	153/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của CT UBND xã Lũng Cao	4.694	4.500	4.500	1.450	
9	Xã Thiết Kế									9.787	3.170	
	Xây mới phòng học và các phòng chức năng trường trung học cơ sở	UBND xã Thiết Kế	Giáo dục	2 tầng; 8 phòng diện tích xây dựng 351,55m ²	2024	2025	222/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của CT UBND xã Thiết Kế	4.948	4.787	4.787	1.550	
	Xây mới các hạng mục phụ trợ trạm y tế	UBND xã Thiết Kế	Y tế	Công, tường rào, khuôn viên, nền sân, đường, lối vào	2024	2025	223/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của CT UBND xã Thiết Kế	1.201	1.200	1.200	400	
	Sân vận động xã	UBND xã Thiết Kế	Văn hóa	Nhà vệ sinh, sân khấu, khán đài, tường rào, sân vận động, công rãnh thoát nước, hệ thống điện chiếu sáng...	2024	2025	224/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của CT UBND xã Thiết Kế	3.877	3.800	3.800	1.220	
10	Xã Văn Nho									9.787	3.150	
	Đường giao thông liên thôn	UBND xã	Giao thông	Tổng chiều dài L= 1.708,98m	2024	2025	142/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của	5.024	4.800	4.800	1.550	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NSTW năm 2024 (đợt 2)	Ghi chú
							QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMDT				
								Tổng cộng	Trong đó NSTW			
		Văn Nho					UBND xã Văn Nho					
	Xây mới 8 phòng học trường tiểu học và các công trình phụ trợ	UBND xã Văn Nho	Giáo dục	02 tầng 8 phòng; diện tích xây dựng 472.2m ²	2024	2025	141/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của UBND xã Văn Nho	5.212	4.987	4.987	1.600	
IX	HUYỆN NGỌC LẠC									3.150	1.050	
1	Xã Cao Ngọc									1.050	350	
	Đường giao thông thôn Chỏ Tráng, xã Cao Ngọc - đi xã Vân Am, huyện Ngọc Lặc.	UBND xã	Giao thông	Tổng chiều dài L = 296,28m	2024	2024	18/QĐ-UBND ngày 04/02/2024 của CT UBND xã Cao Ngọc	1.069	1.050	1.050	350	
2	Xã Minh Tiến									1.050	350	
	Đường giao thông thôn Thanh Sơn, xã Minh Tiến	UBND xã	Giao thông	Tổng chiều dài L = 526,69m	2024	2024	40/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 của CT UBND xã Minh Tiến	1.069	1.050	1.050	350	
3	Xã Nguyệt Ân									1.050	350	
	Đường giao thông thôn Nguyệt Thành, xã Nguyệt Ân, Ngọc Lặc	UBND xã	Giao thông	Tổng chiều dài L = 500m	2024	2024	48/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 của CT UBND xã Nguyệt Ân	1.069	1.050	1.050	350	
XX	HUYỆN THIỆU HOÁ									4.950	1.600	
1	Xã Thiệu Hòa									2.475	800	
	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ trạm y tế đến công làng thái Khang, đền nhà ô quân	UBND xã Thiệu Hòa	Giao thông	Tổng chiều dài L = 850m	2024	2024	174/QĐ-UBND ngày 15/01/2024 của CT UBND huyện Thiệu Hoá	6.998	2.475	2.475	800	
2	Xã Thiệu Giang									2.475	800	
	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông dọc Kênh N11, thôn Trung Thôn	UBND xã Thiệu Giang	Giao thông	Tổng chiều dài L = 1.038m	2024	2024	4600/QĐ-UBND ngày 30/10/2023 của CT UBND huyện Thiệu Hoá	6.500	2.475	2.475	800	
XI	HUYỆN THƯỜNG									43.184	14.160	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NSTW năm 2024 (đợt 2)	Ghi chú
							QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT				
								Tổng cộng	Trong đó NSTW			
	XUÂN											
1	Xã Bát Mọt									4.000	1.300	
	Đường giao thông từ thôn Cạn đi thôn Ruộng xã Bát Mọt	UBND xã Bát Mọt	Giao thông	Đường GTNT với chiều dài khoảng L = 2.000m	2024	2025	21/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của CT UBND xã Bát Mọt	4.076	4.000	4.000	1.300	
2	Xã Xuân Thắng									5.286	1.720	
	Tuyến đường giao thông nội thôn Tú xã Xuân Thắng (từ nhà ông Ngân Văn Phiên (Km49+200 đường 519B) đến nhà ông Ngân Văn Tuấn).	UBND xã Xuân Thắng	Giao thông	Xây dựng 01 tràn 02 khoang, khẩu độ cửa tràn (3,4 x 2)m và đường 02 đầu tràn với chiều dài khoảng L = 400m	2024	2025	22/QĐ-UBND ngày 30/01/2024 của CT UBND xã Xuân Thắng	2.238	2.226	2.226	720	
	Tuyến đường giao thông nội thôn Xương xã Xuân Thắng (từ nhà ông Vi Hoài Bảo đến nhà ông Lương Văn Tuấn).	UBND xã Xuân Thắng	Giao thông	Đường GTNT với chiều dài khoảng L = 600m	2024	2024	23/QĐ-UBND ngày 30/01/2024 của CT UBND xã Xuân Thắng	1.034	1.020	1.020	350	
	Tuyến đường giao thông nội thôn Xem Đót xã Xuân Thắng (từ nhà ông Lục Đình Hắng đến nhà ông Lò Quang Quý).	UBND xã Xuân Thắng	Giao thông	Đường GTNT với chiều dài khoảng L = 1.200m	2024	2024	24/QĐ-UBND ngày 30/01/2024 của CT UBND xã Xuân Thắng	2.076	2.040	2.040	650	
3	Xã Yên Nhân									3.236	1.120	
	Đường giao thông từ thôn Lửa đi thôn Khong, xã Yên Nhân	UBND xã Yên Nhân	Giao thông	Đường GTNT với chiều dài khoảng L = 1.800m	2024	2025	23/QĐ-UBND ngày 30/01/2024 của CT UBND xã Yên Nhân	3.331	3.236	3.236	1.120	
4	Xã Xuân Dương									2.000	650	
	Đường nội đồng xã Xuân Dương, huyện Thường Xuân	UBND xã Xuân Dương	Giao thông	Đường GTNT với chiều dài khoảng L = 1.400m	2024	2024	35/QĐ-UBND ngày 30/01/2024 của CT UBND xã Xuân Dương	2.059	2.000	2.000	650	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NSTW năm 2024 (đợt 2)	Ghi chú
							QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT				
								Tổng cộng	Trong đó NSTW			
5	Xã Lương Sơn									2.518	810	
	Nhà lớp học (6 phòng) Trường THCS Lương Sơn, xã Lương Sơn	UBND xã Lương Sơn	Dân dụng	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng, diện tích xây dựng khoảng 200m ²	2024	2025	15/QĐ-UBND ngày 05/2/2024 của CT UBND xã Lương Sơn	4.806	2.518	2.518	810	
6	Xã Xuân Lộc									6.036	2.000	
	Đường vào làng Ná Khô thôn Chiềng, xã Xuân Lộc	UBND xã Xuân Lộc	Giao thông	Đường GTNT với chiều dài khoảng L = 1.000m	2024	2024	22/QĐ-UBND ngày 30/01/2024 của CT UBND xã Xuân Lộc	1.530	1.518	1.518	500	
	Đường giao thông thôn Cộc, xã Xuân Lộc (đoạn từ nhà ông Lục Đăng Thịnh đến nhà bà Phùng Thị Loan)	UBND xã Xuân Lộc	Giao thông	Đường GTNT với chiều dài khoảng L = 1.400m; xây dựng 01 tràn 02 khoang, khẩu độ cửa tràn (3,4 x 2)m	2024	2025	23/QĐ-UBND ngày 30/01/2024 của CT UBND xã Xuân Lộc	3.580	3.518	3.518	1.150	
	Mương Hón Lạn thôn Cộc, xã Xuân Lộc	UBND xã Xuân Lộc	Thủy lợi	Xây dựng mương thủy lợi với chiều dài khoảng 800m, mương xây 40x40cm.	2024	2024	24/QĐ-UBND ngày 30/01/2024 của CT UBND xã Xuân Lộc	1.009	1.000	1.000	350	
7	Xã Xuân Chinh									5.286	1.750	
	Trạm Y tế xã Xuân Chinh	UBND xã Xuân Chinh	Dân dụng	Xây dựng khu nhà 02 tầng, 06 phòng với tổng diện tích sàn khoảng 240m ² và cải tạo, sửa chữa 02 dãy nhà cấp 4	2024	2025	16/QĐ-UBND ngày 30/01/2024 của CT UBND xã Xuân Chinh	4.404	4.286	4.286	1.400	
	Mương thủy lợi từ thôn Tú Ấc đến thôn Chinh, xã Xuân Chinh	UBND xã Xuân Chinh	Thủy lợi	Xây dựng mương thủy lợi với chiều dài khoảng 800m, mương xây 40x40cm	2024	2024	15/QĐ-UBND ngày 30/01/2024 của CT UBND xã Xuân Chinh	1.029	1.000	1.000	350	
8	Xã Xuân Lệ									9.786	3.200	
	Tuyến đường Thanh Niên thôn Xuân Ngụ, xã Xuân Lệ	UBND xã Xuân Lệ	Giao thông	Đường GTNT với chiều dài tuyến khoảng L = 800m	2024	2024	39/QĐ-UBND ngày 30/01/2024 của CT UBND xã Xuân Lệ	1.647	1.600	1.600	520	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NSTW năm 2024 (đợt 2)	Ghi chú
							QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMDT				
								Tổng cộng	Trong đó NSTW			
	Nhà văn hoá thôn Xuân Sơn, xã Xuân Lệ	UBND xã Xuân Lệ	Dân dụng	Xây dựng nhà văn hóa với diện tích xây dựng khoảng 200m ² , sức chứa trên 100 chỗ ngồi	2024	2025	41/QĐ-UBND ngày 30/01/2024 của CT UBND xã Xuân Lệ	1.844	1.794	1.794	600	
	Đường giao thông thôn Bọng Năng, xã Xuân Lệ	UBND xã Xuân Lệ	Giao thông	Đường GTNT với chiều dài tuyến khoảng 1.200m; xây dựng 01 tràn 02 khoang, khẩu độ cửa tràn (3,4 x 2)m	2024	2025	40/QĐ-UBND ngày 30/01/2024 của CT UBND xã Xuân Lệ	4.246	4.125	4.125	1.350	
	Đường giao thông từ nhà ông Toàn Tâm đến nhà ông Thắng Nguyệt, thôn Lệ Tà, xã Xuân Lệ	UBND xã Xuân Lệ	Giao thông	Đường GTNT với chiều dài khoảng L = 1.000m	2024	2024	42/QĐ-UBND ngày 30/01/2024 của CT UBND xã Xuân Lệ	2.328	2.267	2.267	730	
9	Xã Luận Thành									2.518	800	
	Đường giao thông từ nhà ông Lê Văn Bản đến nhà bà Nguyễn Thị Xuân thôn Tiến Hưng 2, xã Luận Thành	UBND xã Luận Thành	Giao thông	Đường GTNT với chiều dài L = 600m	2024	2024	18/QĐ/UBND ngày 30/01/2024 của CT UBND xã Luận Thành	1.296	1.259	1.259	400	
	Đường giao thông từ sau Trạm Y tế xã đến nhà ông Lang Nhất Nông, thôn Tiến Hưng 1, xã Luận Thành	UBND xã Luận Thành	Giao thông	Đường GTNT với chiều dài L = 600m	2024	2024	17/QĐ/UBND ngày 30/01/2024 của CT UBND xã Luận Thành	1.296	1.259	1.259	400	
10	Xã Vạn Xuân									2.518	810	
	Đường giao thông thôn Hang Cáo, xã Vạn Xuân (đoạn từ nhà ông Khang đến nhà ông Quyết và từ nhà ông Lý đến nhà ông Bản)	UBND xã Vạn Xuân	Giao thông	Đường GTNT với chiều dài khoảng L = 1.200m	2024	2025	40/QĐ-UBND ngày 30/1/2024 của CT UBND xã Vạn Xuân	2.593	2.518	2.518	810	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NSTW năm 2024 (đợt 2)	Ghi chú
							QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMĐT				
								Tổng cộng	Trong đó NSTW			
XII	HUYỆN MƯỜNG LÁT									39.500	12.556	
1	Xã Mường Chanh									24.400	7.650	
	Xây dựng trường Tiểu học xã Mường Chanh	UBND xã Mường Chanh	Giáo dục	Xây mới nhà 2 tầng, 8 phòng; diện tích đất 363,4m ²	2024	2024	60/QĐ-UBND ngày 03/3/2024 của CT UBND xã Mường Chanh	7.031	6.700	6.700	2.150	
	Xây dựng trường Mầm non xã Mường Chanh	UBND xã Mường Chanh	Giáo dục	Xây mới nhà hiệu bộ; nhà ăn; cải tạo nhà lớp học; diện tích đất 189,47m ²	2024	2024	59/QĐ-UBND ngày 01/03/2024 của CT UBND xã Mường Chanh	7.554	7.200	7.200	2.300	
	Nâng cấp, sửa chữa, cứng hoá đường Giao thông từ bản Bồng đi khu suối K-Long (hệ thống đường giao thông xã Mường Chanh)	UBND xã Mường Chanh	Giao thông	Cứng hoá chiều dài tuyến chính L = 4.411m	2024	2024	21/QĐ-UBND ngày 22/01/2024; 56/QĐ-UBND ngày 01/03/2024 của CT UBND xã Mường Chanh	10.543	10.500	10.500	3.200	
2	Xã Nhi Sơn									2.000	650	
	Nâng cấp chợ xã Nhi Sơn	UBND xã Nhi Sơn	Cơ sở hạ tầng thương mại	Xây dựng 2 dãy nhà bán hàng, diện tích 354m ² , khu nhà vệ sinh, rãnh thoát nước	2024	2024	28/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của CT UBND xã Nhi Sơn	2.100	2.000	2.000	650	
3	Xã Quang Chiêu									7.200	2.300	
	Xây dựng chợ xã Quang Chiêu	UBND xã Quang Châu	Cơ sở hạ tầng thương mại	Xây dựng mới 02 dãy nhà kiot bán hàng; khu chế biến gia cầm, thủy hải sản; khu bán hàng tự do ngoài trời và các hạng mục phụ trợ	2024	2024	44/QĐ-UBND ngày 16/02/2024 của CT UBND xã Quang Chiêu	3.989	3.800	3.800	1.200	
	Nâng cấp, mở rộng sân thể thao xã Quang Chiêu	UBND xã Quang Chiêu	Văn hoá	Sân đá bóng 80m ² ; sân bóng chuyền 162m ² ; đường vào sân; sân khấu, khán	2024	2024	45/QĐ-UBND ngày 16/02/2024 của CT UBND xã Quang Chiêu	3.569	3.400	3.400	1.100	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Lĩnh vực	Quy mô	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn NSTW năm 2024 (đợt 2)	Ghi chú
							QĐ, ngày tháng năm, cấp phê duyệt	TMDT				
								Tổng cộng	Trong đó NSTW			
				đài và các hạng mục phụ trợ								
4	Xã Tam Chung									3.400	1.100	
	Xây dựng trường Tiểu học Tam Chung, Khu Ôn	UBND xã Tam Chung	Giáo dục	Xây mới 5 phòng học, 3 phòng nhà công vụ, 1 phòng bếp và các hạng mục phụ trợ	2024	2024	53/QĐ-UBND ngày 26/01/2024 của CT UBND xã Tam Chung	3.569	3.400	3.400	1.100	
5	Xã Mường Lý									2.500	856	
	Xây dựng nhà văn hoá bản Muồng 2, xã Mường Lý	UBND xã Mường Lý	Văn hoá	Xây dựng nhà văn hoá 80 chỗ ngồi, diện tích 221.5m2 và các hạng mục phụ trợ	2024	2024	41/QĐ-UBND ngày 02/03/2024 của CT UBND xã Mường Lý	2.625	2.500	2.500	856	